

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY
CỔ PHẦN**

Mã chứng khoán: EMS

Trụ sở chính: Số 01 đường Tân Xuân, P.Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-024) 3757 5577 Fax: (84-024) 3757 6144

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Quỳnh Vân – Người được ủy
quyền công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chuyên phát nhanh Bưu Điện

Địa chỉ: F204-E6 Thành Công – Phường Thành Công - Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 0915267888

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường
niên năm 2021 của Tổng công ty chuyên phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần.

Thông tin về họp và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Tổng công ty đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tại
đường dẫn: <https://ems.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**
T/L TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN TCCB - LĐ



Trần Thị Quỳnh Vân

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 15/BB-HĐQT.IV ngày 05 tháng 04 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quyết định thông qua thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty EMS), chi tiết như sau:

- 1.1 Thời gian họp: **8h00' thứ hai, ngày 26 tháng 4 năm 2021.**
- 1.2 Địa điểm họp: Hội trường Tầng 4 – Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, số 5 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điều 2. Thông qua chương trình, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty Cổ phần, gồm các tài liệu sau:

- 2.1 Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;
- 2.2 Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông;
- 2.3 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT);
- 2.4 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- 2.5 Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020; Định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025;
- 2.6 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS);
- 2.7 Tờ trình ĐHCĐ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán năm 2021;

- 2.8 Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phát hành tăng vốn để làm tròn vốn góp của các cổ đông; phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- 2.9 Tờ trình ĐHĐCĐ về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty
- 2.10 Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT;
- 2.11 Tờ trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS;
- 2.12 Tờ trình ĐHĐCĐ về việc lựa chọn đơn vị soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;
- 2.13 Dự thảo Điều lệ Tổng công ty; Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT; Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS;
- 2.14 Dự thảo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 3. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi bổ sung các tài liệu họp nêu tại Điều 2 của Nghị quyết này và thực hiện các công việc cần thiết có liên quan để triển khai thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TV.HĐQT, BTGD (thực hiện);
- Ban kiểm soát (báo cáo);
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]

Chu Thị Lan Hương

TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Giấy đăng ký kinh doanh số 0101826868 do Sở KH & ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 21/5/2019

Trụ sở chính: Số 1, đường Tân Xuân, P.Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-024) 3757 55.99 - Fax: (84-024) 3757 6131 - Website: <https://ems.com.vn>



THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần (Tổng công ty) trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với chi tiết cụ thể như sau:

- 1. Thời gian:** 08h00' thứ hai, ngày 26 tháng 4 năm 2021.
- 2. Địa điểm:** Hội trường Tầng 4 – Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Số 05 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
- 3. Nội dung Đại hội:** Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ tiến hành xem xét, thông qua các nội dung sau:
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty;
 - Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021;
 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020; Định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025;
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS);
 - Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán năm 2021;
 - Thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn để làm tròn phần vốn góp của các cổ đông, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
 - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT;
 - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS;
 - Lựa chọn đơn vị soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
- 4. Điều kiện dự họp:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Tổng công ty (hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự họp hợp pháp) theo Danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2021.
- 5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**

5.1. Đối với cá nhân:

- Tham dự trực tiếp: Thư mời họp và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng;
- Tham dự theo ủy quyền: Thư mời họp; Giấy ủy quyền theo mẫu (bản gốc) và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;

5.2. Đối với tổ chức:

- Tham dự trực tiếp: Thư mời họp; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới nhất và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đại diện theo pháp luật;
- Tham dự theo ủy quyền: Thư mời họp; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới nhất; Giấy ủy quyền theo mẫu (bản gốc) và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;

6. Các tài liệu gửi kèm theo thư mời họp

- Chương trình Đại hội; mẫu xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội;
- Các tài liệu khác của Đại hội: Kính đề nghị Quý cổ đông tải về từ website của Tổng công ty tại địa chỉ: <https://ems.com.vn>; Trường hợp không tải được hoặc không nhận được tài liệu, đề nghị Quý cổ đông liên hệ để nhận tài liệu trực tiếp từ Tổng công ty.

7. Đăng ký tham dự Đại hội và Thông tin liên hệ

Để tạo điều kiện chuẩn bị tốt nhất cho Đại hội, đề nghị quý vị cổ đông gửi xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội theo hình thức gửi thư hoặc fax trước 16h00 ngày 22/04/2021 về địa chỉ sau:

Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần

Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà FLC Landmark Tower, ngõ 5 Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (84-024) 3757 55.99 - Fax: (84-024) 3757 6131

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần.

Trân trọng kính mời./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021



Chu Thị Lan Hương



**GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ**

**Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần**

1. Xác nhận tham dự Đại hội:

Tên cổ đông/Người ủy quyền:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD số: cấp ngày tại
Họ và tên Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:
.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu/ủy quyền: cổ phần
(Bằng chữ:)

2. Ủy quyền tham dự Đại hội:

Người được ủy quyền:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD số: cấp ngày tại
Họ và tên Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức):
.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần
(Bằng chữ:)

3. Đồng ý ủy quyền cho một hoặc một số thành viên HĐQT Tổng công ty có tên sau:

- | | | |
|---|--------------|---------------|
| <input type="checkbox"/> Bà Chu Thị Lan Hương | - Chủ tịch | cổ phần |
| <input type="checkbox"/> Ông Lê Quốc Anh | - Thành viên | cổ phần |
| <input type="checkbox"/> Bà Hà Thị Hòa | - Thành viên | cổ phần |
| <input type="checkbox"/> Ông Đinh Tiến Vịnh | - Thành viên | cổ phần |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Hồng Long | - Thành viên | cổ phần |

4. Nội dung ủy quyền:

Người được ủy quyền được đại diện cho Người ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

5. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền

- Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần.
- Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc tại giấy ủy quyền này.
- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

....., ngày tháng năm 2021
CỔ ĐÔNG/ NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN
(của nhóm cổ đông/nhóm người được ủy quyền)**

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần**

Chúng tôi là những cổ đông của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần có tên trong danh sách dưới đây:

Họ tên	CMND/CCCD/Hộ chiếu/GP ĐKKD (Số, ngày cấp, nơi cấp)	Địa chỉ thường trú/Trụ sở	Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần ủy quyền	Ký tên và đóng dấu (nếu là tổ chức)
Tổng số					

Nhất trí ủy quyền cho những người được ủy quyền có tên trong danh sách dưới đây:

Họ tên	CMND/CCCD/Hộ chiếu/GP ĐKKD (Số, ngày cấp, nơi cấp)	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần được ủy quyền	Ký tên và đóng dấu (nếu là tổ chức)
Tổng số				

Được thay mặt chúng tôi thực hiện việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần.

Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc tại giấy ủy quyền này.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần./.

TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN



Trụ sở chính: Số 1, đường Tân Xuân, P.Xuân Đình, Q.Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Điện thoại: (84-024) 3757 5599 - Fax: (84-024) 3757 6131 - Website: <https://ems.com.vn>

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian họp: 08h00' thứ hai, ngày 26 tháng 04 năm 2021.

Địa điểm: Hội trường Tầng 4 – Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, số 5 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
08h00 – 08h15	- Đăng ký đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông.
08h15 – 08h45	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu; - Thông qua chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội.
08h45 – 10h00	Trình bày các báo cáo: - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT); - Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021; - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020; Định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS).
10h00 – 10h30	Trình bày tờ trình về các nội dung: - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán năm 2021; - Phát hành cổ phiếu tăng vốn để làm tròn vốn góp của các cổ đông, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty; - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT; - Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS; - Lựa chọn đơn vị soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
10h30 – 10h45	- Đại diện cổ đông Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phát biểu ý kiến.
10h45 – 11h00	- Thảo luận và trả lời các câu hỏi tại Đại hội; - Cổ đông tiến hành biểu quyết về các nội dung Đại hội.
11h00 – 11h15	- Nghỉ giải lao và Kiểm phiếu.
11h15 – 11h30	- Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội; - Bế mạc Đại hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Chương trình họp ĐHĐCĐTN 2021.
2. Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên 2021.
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021.
5. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020; Định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025.
 - 5.1 *Báo cáo chi tiết kết quả sxkd giai đoạn 2016-2020, định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025.*
6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
7. Tờ trình ĐHĐCĐ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán năm 2021.
8. Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phát hành tăng vốn để làm tròn vốn góp của các cổ đông; phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
9. Tờ trình ĐHĐCĐ về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty.
10. Tờ trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT.
 - 10.1 *Dự thảo Điều lệ Tổng công ty.*
 - 10.2 *Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.*
 - 10.3 *Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.*
11. Tờ trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS.
 - 11.1 *Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS.*
12. Tờ trình ĐHĐCĐ về việc lựa chọn đơn vị soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
13. Dự thảo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Điều 1. Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (“Tổng công ty EMS”).

Điều 2. Mục tiêu của Quy chế

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo an ninh, trật tự và hiệu quả làm việc của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Thành phần tham dự

Thành phần tham dự Đại hội là các cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội (ngày 26/3/2021) có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp Đại hội. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

Điều 4. Quy định về trật tự

1. Tại Đại hội, mỗi cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền hoặc người được uỷ quyền khi tới tham dự họp Đại hội phải mang theo bản gốc Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng, Thư mời họp, bản gốc Giấy uỷ quyền (nếu có), bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất (đối với tổ chức), nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định, tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định chung về văn hóa ứng xử nơi công cộng. Cổ đông tham dự Đại hội không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông. Ban tổ chức có quyền mời các cổ đông không tuân thủ quy định chung ra khỏi Đại hội để không làm ảnh hưởng tới chương trình nghị sự chung.
4. Các cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được uỷ quyền của cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty EMS.

Điều 6. Biểu quyết tại Đại hội

1. Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết (nếu có nội dung cần thông qua bằng cách bỏ phiếu tại Đại hội) có đóng dấu treo của Tổng công ty EMS. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn áp dụng phương thức biểu quyết thông qua Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết.

2. Cách biểu quyết

2.1. Thẻ biểu quyết

- a. Đặc điểm: Thẻ biểu quyết ghi thông tin của Cổ đông/Người được ủy quyền, số cổ phần phổ thông sở hữu/được ủy quyền, số phiếu biểu quyết tương ứng tại Đại hội, mã số biểu quyết và đóng dấu treo của Tổng công ty EMS.
- b. Mục đích: Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội như: Quy chế làm việc của Đại hội, Chương trình họp, bầu Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu, thông qua thành phần Ban Thư ký... theo hình thức gior Thẻ biểu quyết.
- c. Cách sử dụng: Cổ đông sẽ phải thực hiện việc gior Thẻ biểu quyết để biểu quyết “Tán thành”, hoặc “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” với những nội dung biểu quyết khi Ban Tổ chức hoặc Đoàn Chủ tịch Đại hội yêu cầu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

2.2. Phiếu biểu quyết

- a. Đặc điểm: Phiếu biểu quyết ghi thông tin của Cổ đông/Người được ủy quyền, số cổ phần sở hữu/được ủy quyền có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội và số phiếu biểu quyết tương ứng, mã số biểu quyết tương ứng.
- b. Mục đích: Dùng để biểu quyết những nội dung cần thông qua tại Đại hội bằng cách bỏ phiếu. Ban Tổ chức bố trí thùng phiếu tại hội trường để cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết.
- c. Cách sử dụng: Trên Phiếu biểu quyết, Ban Tổ chức Đại hội in đầy đủ những nội dung cần biểu quyết. Tương ứng với mỗi nội dung cần biểu quyết có 3 phương án biểu quyết là “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”. Khi Đoàn Chủ tịch yêu cầu cổ đông biểu quyết, cổ đông lựa chọn phương án nào thì đánh dấu “X” vào phương án đó và bỏ phiếu đã biểu quyết vào thùng phiếu.

2.3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- a. Phiếu biểu quyết hợp lệ: là những phiếu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành theo mẫu, có đóng dấu treo của Tổng công ty EMS và được đánh dấu theo đúng quy định đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết (với mỗi nội dung được đưa ra biểu quyết cổ đông chỉ được lựa chọn một trong ba phương án là: Tán thành - Không tán thành - Không có ý kiến; trường hợp Cổ đông thay đổi ý kiến trước khi hoàn tất việc biểu quyết thì sẽ thực hiện đánh dấu lại và ký vào bên phải phương án lựa chọn cuối cùng của mình); ký ghi rõ họ tên của Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự họp.
- b. Phiếu biểu quyết không hợp lệ khi:
 - (i) Phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát hành theo mẫu và không đóng dấu treo của Tổng công ty EMS và/hoặc;
 - (ii) Phiếu không có chữ ký của Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự họp và hoặc;

- (iii) Phiếu biểu quyết bị rách, gach và hoặc;
- (iv) Phiếu nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi kết thúc bỏ phiếu và hòm phiếu và hoặc;
- (v) Phiếu biểu quyết có lựa chọn từ hai phương án trở lên trong cùng một nội dung và không có chữ ký vào phương án lựa chọn cuối cùng hoặc không lựa chọn phương án nào thì phần biểu quyết cho nội dung đó coi như không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua tại Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ được xác định trên từng nội dung biểu quyết.

c. Xử lý Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- (i) Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ vì lý do nêu tại mục (i), (ii), (iii) và (iv) điểm b khoản 2.3 Điều 6 Quy chế này thì toàn bộ các nội dung biểu quyết không được tính vào kết quả kiểm phiếu.
- (ii) Đối với trường hợp nêu tại mục (v) điểm b khoản 2.3 Điều 6 Quy chế này: các phiếu có từng nội dung không hợp lệ thì phần nội dung biểu quyết không hợp lệ không được tính vào kết quả kiểm phiếu.

2.4. Thể lệ biểu quyết

- a. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b. Tỷ lệ biểu quyết trên mỗi nội dung biểu quyết được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng phiếu biểu quyết thu về hợp lệ của các cổ đông dự họp chia cho tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (tính trên số phiếu biểu quyết phát ra).
- c. Tỷ lệ phiếu biểu quyết cần thiết để thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội:
 - (i) Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - Sửa đổi và bổ sung điều lệ;
 - Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
 - Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
 - Giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty EMS hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty EMS tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;
 - (ii) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- d. Thời gian kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu: Phiếu biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm và báo cáo kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại hội.

Điều 7. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu vào phiếu đặt câu hỏi, trường hợp không có phiếu đặt câu hỏi thì đăng ký nội dung phát biểu vào giấy và chuyển cho tổ giúp việc gửi Ban Thư ký để trình Đoàn Chủ tịch.
2. Trường hợp Đoàn Chủ tịch đề nghị các cổ đông phát biểu trực tiếp, cổ đông cần phát biểu giao tay đề nghị phát biểu và chỉ phát biểu ý kiến khi Đoàn Chủ tịch mời phát biểu.
3. Mọi cổ đông đều có quyền và được khuyến khích tham gia phát biểu ý kiến tại Đại hội. Tuy nhiên trong trường hợp có quá nhiều ý kiến phát biểu dẫn tới kéo dài thời gian Đại hội ngoài dự kiến hoặc có nhiều ý kiến trùng lặp về nội dung, Đoàn Chủ tịch có quyền lựa chọn những ý kiến phát biểu chung nhất hoặc gần nhất với chương trình nghị sự để giải đáp và từ chối trả lời các vấn đề nằm ngoài chương trình nghị sự.

4. Cổ đông khi phát biểu cần nhanh gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch

Đoàn chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để điều hành Đại hội. Quyền và trách nhiệm của Đoàn chủ tịch:

1. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty EMS theo trình tự đại hội dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
3. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
4. Trả lời/chỉ định những người có trách nhiệm giải đáp những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
5. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
6. Các quyền khác theo Điều lệ Tổng công ty EMS.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội chỉ định và được thông qua tại Đại hội. Ban kiểm tra tư cách có trách nhiệm kiểm tra tư cách đại biểu và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách và tính hợp pháp, hợp lệ của việc tổ chức Đại hội theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty EMS.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban Thư ký Đại hội

Ban Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội thông qua. Ban Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội và thông qua trước khi bế mạc.
2. Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Biên bản của Đại hội.
3. Tiếp nhận phiếu đặt câu hỏi của các cổ đông qua tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

Điều 11. Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Phổ biến thể lệ, các nguyên tắc thực hiện biểu quyết, hướng dẫn sử dụng phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết.
 - b. Thu phiếu sau khi Đại hội biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
 - d. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết (nếu có).
2. Nguyên tắc kiểm phiếu:
 - a. Việc bỏ phiếu biểu quyết được bắt đầu sau khi Ban tổ chức thông báo đề nghị các cổ đông thực hiện bỏ phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc ngay sau khi Chủ tọa hỏi Đại hội về việc còn cổ đông nào chưa bỏ phiếu mà không có cổ đông nào có ý kiến;
 - b. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của đại diện cổ đông;
 - c. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu trong 01 phòng riêng/khu vực riêng;
 - d. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;

- e. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu và Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung họp tại Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Ban Thư ký Đại hội lập Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản, nghị quyết của Tổng công ty.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty EMS có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty EMS biểu quyết thông qua. Cổ đông, những người tham dự họp Đại hội và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Thị Lan Hương

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Hội đồng Quản trị (HDQT) Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty EMS) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HDQT trong năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2020

1. Đánh giá chung về hoạt động của HDQT và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2020:

1.1. Các nội dung hoạt động của HDQT:

a) Sau phiên họp ĐHCĐ thường niên năm 2020, ngày 12/08/2020, HDQT nhiệm kỳ IV đã họp phiên thứ 11 để bàn bạc và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua nội dung báo cáo xây dựng định hướng chiến lược của Tổng công ty giai đoạn 2021-2030. Đồng thời, yêu cầu Ban Tổng giám đốc xây dựng các chiến lược thành phần giai đoạn 2021-2030 theo ý kiến góp ý của các thành viên HDQT tại phiên họp, báo cáo HDQT xem xét, phê duyệt trước khi tổ chức triển khai thực hiện.

- Thông qua nội dung báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 7 tháng đầu năm 2020 và các giải pháp đẩy mạnh kinh doanh 5 tháng cuối năm 2020. Đồng thời đề nghị Ban Tổng giám đốc lưu ý tập trung triển khai các giải pháp ngắn hạn để đẩy mạnh kinh doanh 5 tháng cuối năm 2020 và triển khai các giải pháp cân đối nguồn lực tài chính để đảm bảo hoàn thành hai chỉ tiêu quan trọng là chỉ tiêu lợi nhuận và chỉ tiêu tiền lương cho CBCNV.

- Phê duyệt Phương án Chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông.

- Thống nhất chủ trương và giao cho Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện dự án mua lô đất tại Khu công nghiệp Tân Bình để xây dựng Trung tâm khai thác dịch vụ EMS và trụ sở của Chi nhánh TP. HCM theo đề xuất của Ban Tổng giám đốc.

- HDQT nhất trí với báo cáo đề xuất của Ban Tổng giám đốc về tình hình thực hiện thủ tục pháp lý để chấm dứt Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Đầu tư Việt Nam.

- HDQT nhất trí thông qua phương án điều chỉnh mô hình tổ chức của Tổng công ty. Theo đó, nhất trí thành lập Ban Phát triển Kinh doanh mạng lưới trên cơ sở cơ cấu, tách

Tổ hỗ trợ mạng lưới của Ban Kinh doanh phát triển thị trường và đổi tên Ban Kinh doanh phát triển thị trường thành Ban Kinh doanh – Truyền thông.

- HĐQT nhất trí bổ nhiệm Bà Đặng Hải Ngọc – Trưởng Ban Kinh doanh phát triển thị trường giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty EMS.

b) Ngày 21/12/2020, HĐQT nhiệm kỳ IV đã họp phiên thứ 12 để bàn bạc và thông qua các nội dung sau:

- Sau khi nghe Ban TGD kiểm điểm tình hình thực hiện nghị quyết của HĐQT tại các phiên họp trước, HĐQT đề nghị Ban Tổng giám đốc tiếp tục triển khai các nội dung chưa hoàn thành như sau:

+ Về việc xây dựng chiến lược giai đoạn 2021-2030: đề nghị Ban TGD làm việc với Công ty mẹ - Tổng công ty BĐVN để thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch và định hướng chiến lược giai đoạn 2021 – 2030.

+ HĐQT đề nghị Ban TGD tiếp tục kiên trì triển khai dự án mua đất để quy hoạch sản khai thác và trụ sở của Chi nhánh TP. HCM trong năm 2021.

+ HĐQT đề nghị Ban TGD linh hoạt và chủ động triển khai các thủ tục tiếp theo để thực hiện thanh lý Hợp đồng HTKD với Công ty cổ phần Đầu tư Việt Nam.

+ HĐQT đề nghị Ban TGD tiếp tục hoàn thiện thủ tục tăng vốn theo quy trình, quy định của Nhà nước.

- HĐQT nhất trí thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, gồm các chỉ tiêu kế hoạch đăng ký với Tổng công ty BĐVN và kế hoạch mục tiêu giao cho các Chi nhánh của Tổng công ty. Tuy nhiên HĐQT đề nghị Ban Tổng giám đốc lưu ý một số nội dung trong quá trình xây dựng kịch bản kinh doanh và triển khai các giải pháp về định hướng rà soát TCSX và CNTT để thực hiện mục tiêu năm 2021.

- HĐQT nhất trí thông qua Phương án điều chỉnh giá vốn dịch vụ EMS TMĐT năm 2021 theo đề xuất của Ban Tổng giám đốc và đề nghị Ban Tổng giám đốc phải cân đối dành nguồn kinh phí để hỗ trợ các BĐT đẩy mạnh kinh doanh trong điều kiện thị trường chuyển phát TMĐT cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

- HĐQT nhất trí thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch lao động tiền lương năm 2020 và dự kiến kế hoạch lao động tiền lương năm 2021 của Tổng công ty.

- HĐQT thống nhất thông qua nội dung báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2020 và phê duyệt Danh mục đầu tư năm 2021 của Tổng công ty. Đồng thời đề nghị Ban TGD nghiên cứu, đề xuất kế hoạch thuê đơn vị tư vấn xây dựng định hướng chiến lược phát triển hạ tầng CNTT giai đoạn 2021-2030.

- HĐQT nhất trí phê duyệt bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty tại Đà Nẵng.

- HĐQT thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch năm 2021 của Tổng công ty.

d) Ngày 05/04/2021, HĐQT nhiệm kỳ IV đã họp phiên thứ 13 thông qua các nội dung sau:

- Thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua các chỉ tiêu chính trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán 2020; Các nội dung về phương án phân phối lợi nhuận 2020; Thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021;

- Phê duyệt nội dung trình ĐHĐCĐ phương án làm tròn phần vốn góp của các cổ đông, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty.

- Thông qua báo cáo đánh giá tình hình SXKD của Tổng công ty quý I năm 2021 và thống nhất các giải pháp đẩy mạnh kinh doanh 9 tháng cuối năm 2021.

- Phê duyệt nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025;

- Phê duyệt kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025;

- Thông qua quyết toán tiền lương thực hiện năm 2020, kế hoạch lao động, tiền lương năm 2021.

- Phê duyệt nội dung trình ĐHĐCĐ về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

- Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021:

- Phê duyệt nội dung các báo cáo, tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

1.2. Kết quả triển khai các nghị quyết của HĐQT:

- Hầu hết các nghị quyết của HĐQT đã được Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện đảm bảo nội dung và thời gian.

- Kết quả sản xuất kinh doanh: năm 2020, do ảnh hưởng của dịch covid 19, vì vậy tốc độ tăng trưởng doanh thu các dịch vụ của Tổng công ty giảm đáng kể so với các năm trước, tổng doanh thu thực hiện năm 2020 đạt 1,917 tỷ đồng, tăng 6.2% so với năm 2019, hoàn thành 93% kế hoạch. Tuy nhiên các chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận, cổ tức đều hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2020		Thực hiện 2020		
		KH 2020	% so TH2019	Thực hiện 2020	% so TH2019	% so KH2020
1	Tổng doanh thu	2,060,000	114.11%	1,917,236	106.20%	93.07%
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD	2,058,350	114.20%	1,912,126	106.09%	92.90%

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2020		Thực hiện 2020		
		KH 2020	% so TH2019	Thực hiện 2020	% so TH2019	% so KH2020
1.3	Thu nhập khác	350	43.48%	711	88.38%	203.28%
2	Tổng chi phí	1,993,300	114.64%	1,845,778	106.16%	92.60%
2.1	Chi phí SXKD của Công ty	1,992,200	114.67%	1,843,841	106.13%	92.55%
2.2	Chi phí hoạt động tài chính	1,000	90.01%	1,661	149.50%	166.09%
2.3	Chi phí khác	100	44.25%	276	122.26%	276.31%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	66,700	100.14%	71,458	107.28%	107.13%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	53,300	100.13%	56,992	107.06%	106.93%
5	TỶ LỆ CỔ TỨC	10%	100.00%	10%	100.00%	100.00%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	30.17%	95.50%	32.26%	102.12%	106.93%

1.3 Tôn tại trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- Việc tìm kiếm, mua đất để xây dựng hub khai thác dịch vụ EMS và trụ sở của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chưa được thực hiện được do vướng mắc trong quá trình triển khai thủ tục định giá các lô đất dự kiến đầu tư.

- Chưa hoàn thiện được thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp sau khi tăng vốn điều lệ từ 91.5 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 do vướng mắc liên quan đến phân chênh lệch giữa số vốn thực góp của các cổ đông với số vốn đăng ký (vốn góp của cổ đông là số lẻ không chia hết cho mệnh giá 10,000 đồng/cổ phiếu).

2. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong công tác điều hành SXKD. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT chỉ đạo Tổng giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền hạn của HĐQT được qui định tại Điều lệ của Tổng công ty EMS và qui định của Pháp luật. Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT, cụ thể:

- Tổng công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế và đảm bảo tỷ lệ cổ tức của các cổ đông năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định, thông báo và các chủ trương, quyết sách của HĐQT.

Trong năm 2020, HĐQT chỉ đạo và theo dõi sát sao việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Tại các phiên họp của HĐQT, đều có nội dung báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT phiên họp trước đó; nghe Ban TGD giải trình lý do đối với các nội dung chưa được thực hiện. HĐQT đánh giá

Ban TGD đã hoạt động rất tích cực, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty hoạt động tốt, không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành Tổng công ty của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

3. Thù lao của HĐQT năm 2020:

Tổng công ty EMS đã tính toán, xác định và trình ĐHĐCĐ phê duyệt quyết toán tiền thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 theo mức chi đã được ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua và các quy định hiện hành của Nhà nước với tổng số tiền là **781,073,280 đồng**, trong đó thù lao của HĐQT là **570,784,320 đồng**.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty EMS xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình ĐHĐCĐ thông qua như sau:

- Tổng doanh thu: 2,600 tỷ đồng, tăng 35.6% so với tổng doanh thu thực hiện năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế: 75 tỷ đồng, tăng 5% so với lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế: 59.8 tỷ đồng.
- Tỷ lệ cổ tức: 10%/cổ phần.

2. Các hoạt động trọng tâm và định hướng chỉ đạo của HĐQT năm 2021:

Hội đồng quản trị đề nghị Ban Tổng giám đốc xác định nhiệm vụ công tác trọng tâm và xây dựng kế hoạch hành động để điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty EMS năm 2021 theo các nội dung chỉ đạo định hướng sau:

2.1. Thực hiện tốt vai trò của chủ quản dịch vụ chuyên phát nhanh trên mạng Bưu chính. Triển khai quy hoạch lại các sản phẩm, dịch vụ theo định hướng của Tổng công ty BĐVN; đồng thời xây dựng các dịch vụ mới khác biệt so với các sản phẩm dịch vụ của TCTY BĐVN, khai thác được thế mạnh của EMS và dẫn dắt mạng lưới triển khai các dịch vụ đó; Thực hiện điều chỉnh tỷ lệ giá vốn theo hướng có lợi cho các BĐT/TP để tăng khả năng cạnh tranh, tuy nhiên cần thực hiện từng bước và đảm bảo vẫn dành nguồn kinh phí hỗ trợ mạng lưới đẩy mạnh kinh doanh; Tiếp tục triển khai được dịch vụ Logistics tại các BĐT/TP trọng điểm, đặc biệt tập trung đẩy mạnh doanh thu dịch vụ logistics FWD.

2. Triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tiếp thị bán hàng của nội bộ Tổng công ty EMS thông qua việc bám sát các hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh; nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, đề xuất các giải pháp kinh doanh đột phá. Thường xuyên thực hiện rà soát, kiện toàn lại lực lượng bán hàng trực tiếp; triển khai nhiều chương trình thi đua dành cho LLBH; thực hiện điều chỉnh cơ chế tiền lương và chỉ tiêu KPIs để tạo động lực cho lực lượng bán hàng tại Tổng công ty. Đặc biệt triển khai được dịch vụ TMĐT xuyên biên giới chiều đến tại cửa khẩu Hà Nội cho đối tác nước ngoài, tạo tiền đề cho việc phát triển dịch vụ những năm tiếp theo.

3. Tiếp tục rà soát, đổi mới TCSX, cải tiến quy trình nghiệp vụ tại các công đoạn, kết hợp triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động sản xuất để nâng cao năng suất lao động và chất lượng dịch vụ; tiếp tục rà soát, cải tiến mạng vận chuyển để cắt giảm chi phí, rút ngắn chỉ tiêu toàn trình dịch vụ; Triển khai các giải pháp để cải tiến hoạt động khai thác tại các TTKTV của EMS; Tăng cường kiểm soát chất lượng thông qua đo kiểm KPI chất lượng các công đoạn, đo kiểm đánh giá chất lượng các hướng chuyển trọng điểm đối với dịch vụ EMS.

4. Duy trì ổn định các nền tảng CNTT đáp ứng yêu cầu về điều hành và SXKD của các đơn vị. Tăng cường ứng dụng CNTT hỗ trợ hoạt động SXKD, nâng cao năng suất lao động tại các đơn vị tại và các công đoạn. Trong điều kiện nguồn lực đầu tư cho CNTT tại Tổng công ty EMS còn hạn chế, trước mắt, EMS có thể sử dụng các phần mềm CNTT của Tổng công ty BĐVN và chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu sử dụng. Về lâu dài, đề nghị Ban TGD nghiên cứu, đề xuất kế hoạch thuê đơn vị tư vấn xây dựng định hướng chiến lược phát triển hạ tầng CNTT và chiến lược chuyển đổi số của Tổng công ty EMS giai đoạn 2021-2030.

5. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật; rà soát, cải tiến vật tư, ấn phẩm dùng cho dịch vụ EMS để cắt giảm chi phí; đồng thời, thực hiện tốt công tác cấp phát vật tư, ấn phẩm đáp ứng nhu cầu kinh doanh dịch vụ trên toàn mạng lưới; Tập trung triển khai các dự án đầu tư nâng cao năng lực hạ tầng CNTT và phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh; Triển khai tiếp dự án tìm kiếm, mua đất để quy hoạch hub khai thác và trụ sở của Chi nhánh Tổng công ty tại TP. HCM.

6. Kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch thu-chi tài chính, đảm bảo cân đối kế hoạch thu - chi tài chính, cân đối nguồn để triển khai các chương trình khuyến mại, giảm cước và hỗ trợ các BĐT/TP đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ EMS trên toàn mạng lưới; hoàn thành kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận và tiền lương cho CBCNV; Đẩy nhanh tiến độ đối soát giá vốn dịch vụ EMS với các BĐT/TP; Thực hiện tốt công tác quản lý doanh thu, chi phí; công tác quản lý an toàn dòng tiền trong sản xuất kinh doanh và chi trả ngân vụ EMS-COD của Tổng công ty.

7. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện công tác bổ nhiệm các chức danh quản lý tại Tổng công ty, chủ động trong công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ kế cận. Tập trung đổi mới công tác tiền lương, đặc biệt là việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế phân phối tiền lương cho phù hợp với điều kiện thực tế, tạo động lực cho CBCNV trực tiếp sản xuất trong toàn Tổng công ty.

8. Ổn định và nâng cao đời sống CBCNV trong toàn Tổng công ty; đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập của người lao động; Tiếp tục xây dựng và triển khai Văn hóa Doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc lành mạnh vì sự phát triển bền vững của Tổng công ty trong tình hình mới.

Với vai trò, trách nhiệm là đại diện cho ĐHĐCĐ trong công tác quản trị các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, trong năm 2021, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo sát sao công tác điều hành của Tổng công ty trong việc triển khai các giải pháp, nhiệm vụ trọng

tâm để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua. Đồng thời, HĐQT sẽ đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập của người lao động.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Thị Lan Hương

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021**

I - KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020 là một năm khó khăn khi bối cảnh kinh tế nói chung bị thiệt hại nặng do dịch Covid-19. Năm bắt được nguy cơ ảnh hưởng của dịch bệnh, Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện (Tổng công ty EMS) đã chủ động dự báo tình hình, nắm bắt cơ hội, tập trung phát triển những dịch vụ thế mạnh, giữ vững tốc độ tăng trưởng và vị thế dẫn đầu trên thị trường. Với sự quyết liệt trong chỉ đạo điều hành xuyên suốt từ Công ty mẹ - Tổng công ty Bưu điện Việt nam, cùng với sự cố gắng, nỗ lực của tập thể Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên trong toàn Tổng công ty, Tổng công ty EMS đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh dịch bệnh, cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % 2020/2019
1	Tổng Doanh thu	1,805,334	1,917,236	106.20%
1.1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,802,398	1,912,126	106.09%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	2,132	4,399	206.33%
1.3	Thu nhập khác	805	711	88.40%
2	Chi phí	1,738,727	1,845,778	106.16%
3	Lợi nhuận trước thuế	66,608	71,458	107.28%
4	Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	100.00%

2. Kết quả thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

2.1. Giữ vững thị phần kinh doanh trong nước và tăng cường truyền thông quảng bá thương hiệu EMS

- Định vị phân khúc sản phẩm dịch vụ rõ ràng đối với các dịch vụ cốt lõi; nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, tập trung hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhóm khách hàng TMĐT.

- Rà soát, xây dựng bảng giá cước linh hoạt đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh được với

các đối thủ và đảm bảo hiệu quả kinh doanh dịch vụ; hỗ trợ các BĐT/TP trong việc xây dựng chính sách giá và tiếp thị khách hàng.

- Củng cố các kênh phân phối truyền thống trực tiếp; Phát triển các kênh phân phối gián tiếp thông qua việc liên kết với các đối tác cung cấp nền tảng kết nối TMDT đa kênh; phát triển kênh đại lý hợp tác kinh doanh dịch vụ EMS...

- Hoạt động truyền thông, quảng cáo: tập trung vào hình thức truyền thông online, đa dạng hóa các kênh truyền thông đặc biệt là các kênh đang là xu hướng thu hút người xem đông đảo.

2.2. Đón đầu nhu cầu chuyển phát nhanh quốc tế

- Tập trung phát triển khách hàng, đa dạng hóa các kênh phân phối, dần dần từng bước đưa dịch vụ quốc tế trở thành một trong những dịch vụ mũi nhọn của Tổng công ty.

- Giải quyết kịp thời các khó khăn của BC các nước và các đối tác trong mùa dịch, cố gắng đảm bảo chất lượng trong thời gian dịch Covid-19.

- Tham dự các hội nghị quốc tế qua hình thức online và tổ chức triển khai các công việc của Hiệp hội EMS; UPU, giữ vững hình ảnh và vị thế của EMS Việt Nam với Hiệp hội EMS, các tổ chức và Bưu chính các nước.

- Năm 2020, EMS Việt Nam nhận giải thưởng Chăm sóc khách hàng của Liên minh Bưu chính thế giới (UPU).

2.3. Chú trọng phát triển dịch vụ Logistics

- Tăng cường hợp tác với các đối tác vận chuyển đa phương thức và các đơn vị trên mạng lưới TCT BĐVN để xây dựng giải pháp Logistics phục vụ khách hàng, với tiêu chí đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng.

- Từng bước hoàn thiện hạ tầng cung cấp dịch vụ, mở văn phòng đại diện tại các địa bàn trọng điểm, phát triển doanh thu dịch vụ tăng trưởng mạnh.

2.4. Đảm bảo chất lượng và nâng cao năng suất lao động

- Xây dựng phương án, điều hành khai thác vận chuyển để đảm bảo lưu thoát hàng hóa trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. rà soát và cải tiến các hành trình đường thư, mạng vận chuyển để rút ngắn chỉ tiêu toàn trình, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào các khâu của quy trình sản xuất để cắt giảm lao động, nâng cao năng suất và cắt giảm chi phí.

- Thuê tải bay charter để vận chuyển hàng hóa nguyên chuyến, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ trong mùa dịch.

- Tăng cường công tác đào tạo, công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng thông qua đo kiểm KPI chất lượng các công đoạn cung cấp dịch vụ.

2.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong SXKD

- Tiếp tục phát triển và nâng cấp các nền tảng CNTT hỗ trợ kinh doanh như: hệ thống

quản lý khách hàng CRM; Hoàn thiện hệ sinh thái Merchantsite phục vụ khách hàng lớn.

- Triển khai nâng cấp các phần mềm ứng dụng hiện hành, hoàn thiện các chức năng phần mềm phục vụ công tác kiểm tra dữ liệu; triển khai các hệ thống báo cáo hoạt động sản khai thác, hệ thống giám sát các hoạt động nhận gửi, khai thác, vận chuyển và phát bưu gửi trên toàn mạng lưới... đáp ứng các yêu cầu thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.6. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng cung cấp dịch vụ

- Hoàn thành hầu hết các hạng mục và dự án đầu tư trong danh mục đầu tư năm 2020; rà soát, xây dựng định mức vật tư, ấn phẩm, nguyên vật liệu, nhiên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh cơ chế cấp phát, thanh toán ấn phẩm cho các BĐT, TP và các chi nhánh theo tiêu chí đảm bảo chất lượng và tiết kiệm chi phí.

- Triển khai các dự án đầu tư mở rộng mặt bằng và hạ tầng cung cấp dịch vụ; Quy hoạch lại mặt bằng tổ chức các bưu cục phục vụ khách hàng lớn, bưu cục phát của TCTY EMS tại địa bàn Hà Nội, Đà Nẵng và TP. HCM.

2.7. Công tác tổ chức cán bộ và lao động, tiền lương

- Kiện toàn việc bổ nhiệm bổ sung đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp để nâng cao năng lực điều hành và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương; hướng dẫn các đơn vị bám sát kế hoạch phân kỳ và tình hình thực hiện kế hoạch sản lượng, doanh thu để tuyển dụng lao động.

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo năm 2020 của Tổng công ty. Trong năm 2020 Tổng công ty đã tổ chức **35** khóa đào tạo nội bộ, cử **1247** lượt CBCNV tham dự.

- Đảm bảo tiền lương và thu nhập của CBCNV năm 2020 tăng so với năm 2019; Hoàn thành mục tiêu ổn định và nâng cao đời sống CBCNV toàn Tổng công ty.

- Đổi mới công tác thi đua khen thưởng hàng năm, tăng cường khen thưởng đột xuất, tăng tính thiết thực của hoạt động thi đua khen thưởng, kịp thời ghi nhận, biểu dương những đóng góp, sáng kiến của CBCNV, khích lệ phong trào thi đua lập thành tích toàn Tổng công ty.

- Tiếp tục duy trì các hoạt động văn hóa, thể thao bổ ích, thu hút đông đảo cán bộ, đoàn viên tham gia để không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

3. Thành tích nổi bật khác

Bằng sự nỗ lực, cố gắng của tập thể Lãnh đạo và CBCNV, NLĐ trong suốt giai đoạn 5 năm vừa qua, Tổng công ty EMS đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động Hạng nhì về thành tích xuất sắc giai đoạn 2015 - 2019.

II. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2021

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020, Tổng công ty EMS xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch 2021 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ% 2021/2020
1	Tổng Doanh thu	1,917,236	2,600,000	135.61%
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,912,126	2,596,300	135.78%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	4,399	3,000	68.20%
1.3	Thu nhập khác	711	700	98.39%
2	Chi phí	1,845,778	2,525,000	136.80%
3	Lợi nhuận trước thuế	71,458	75,000	104.96%
4	Tỷ lệ cổ tức	10%	10.00%	100.00%

2. Các giải pháp, trọng tâm thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021

2.1. Công tác phát triển kinh doanh trong nước và truyền thông

- Triển khai dự án thuê đơn vị tư vấn nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh làm căn cứ để xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh và kế hoạch hành động của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025; tổ chức khảo sát đánh giá trải nghiệm của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ mới.

- Quy hoạch lại toàn bộ sản phẩm dịch vụ của EMS theo từng đối tượng khách hàng, thị trường, điều chỉnh lại bảng cước để đảm bảo tính cạnh tranh. Đồng hành cùng các BDT/TP để thúc đẩy kinh doanh dịch vụ trên toàn mạng lưới, đảm bảo tốc độ tăng trưởng, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

- Củng cố các kênh phân phối trực tiếp, phát triển thêm các kênh phân phối gián tiếp, tiếp tục liên kết với các đối tác cung cấp nền tảng kết nối TMĐT đa kênh;

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông theo hình thức các kênh online để tăng cường quảng bá thương hiệu EMS.

2.2. Thúc đẩy phát triển kinh doanh quốc tế và tăng cường hợp tác với bưu chính các nước

- Thường xuyên trao đổi với Bưu chính các nước và các đối tác nước ngoài lớn để cập nhật tình hình diễn biến dịch bệnh tại các nước để xây dựng các phương án điều hành kinh doanh kịp thời theo diễn biến của dịch bệnh.

- Duy trì hình ảnh, củng cố các mối quan hệ với Hiệp hội EMS, UPU, APPU, Asean Post. Đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong việc hợp tác song phương với Campuchia, Lào theo ý kiến chỉ đạo Tổng công ty BĐVN và Bộ TTTT.

2.3. Công tác phát triển dịch vụ Logistics

- Tiếp tục hoàn thiện sản phẩm dịch vụ, cải tiến quy trình và chất lượng dịch vụ khâu chấp nhận, vận chuyển hàng không và công đoạn giao hàng.
- Tăng cường tuyển dụng bổ sung, đào tạo, phát triển lực lượng bán hàng, xây dựng cơ chế tiền lương khuyến khích đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị và phương tiện vận chuyển để nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ tại một số địa bàn trọng điểm ngoài địa bàn Hà Nội và TP. HCM.

2.4. Công tác tổ chức sản xuất và nghiệp vụ

- Tiếp tục rà soát, cải tiến mạng vận chuyển để rút ngắn chỉ tiêu thời gian toàn trình và cắt giảm chi phí; rà soát, cải tiến tổ chức sản xuất tại các công đoạn để nâng cao chất lượng và năng suất lao động.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo chất lượng dịch vụ thông qua việc đo kiểm, KPI chất lượng các công đoạn chuyển phát, đo kiểm đánh giá chất lượng các hướng chuyển trọng điểm và chất lượng các dịch vụ.

2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Xây dựng chiến lược chuyển đổi số theo chỉ đạo của Tổng công ty BĐVN, đáp ứng yêu cầu của thị trường, phục vụ mục đích nâng cao trải nghiệm với khách hàng.
- Xây dựng phương án cải tiến, nâng cấp phần mềm CNTT để triển khai đầu tư dây chuyền tự động vào sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng năng suất lao động.
- Triển khai giải pháp an ninh, bảo mật để đảm bảo an toàn hệ thống thông tin khách hàng, thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.6. Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cung cấp dịch vụ

- Triển khai các dự án đầu tư mở rộng mặt bằng và hạ tầng cung cấp dịch vụ; Quy hoạch lại mặt bằng các bưu cục khách hàng lớn, bưu cục phát của TCTY EMS tại các Chi nhánh của Tổng công ty EMS; mặt bằng để đảm bảo cơ sở hạ tầng triển khai kinh doanh dịch vụ Logistics.
- Triển khai các dự án đầu tư theo danh mục đầu tư, kế hoạch vốn đầu tư đã được HĐQT phê duyệt theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

2.7. Bổ sung nguồn lực tài chính và triển khai các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính

- Củng cố nguồn lực tài chính thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2021; bổ sung nguồn tài trợ từ việc vay ngân hàng với cơ cấu vốn hợp lý để đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, nhu cầu đầu tư, mua sắm trang thiết bị, mở rộng mặt bằng SXKD, nâng cao chất lượng dịch vụ và chiếm lĩnh thị trường.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ đối soát, thu hồi công nợ, đảm bảo cân đối dòng tiền phục vụ SXKD.

2.8. Các giải pháp tạo động lực cho người lao động nâng cao NSLĐ:

- Tập trung đổi mới công tác tiền lương, đặc biệt là việc xây dựng cơ chế trả lương theo sản phẩm đối với CBCNV trực tiếp sản xuất tại một số công đoạn cung cấp dịch vụ, tạo động lực cho CBCNV tăng năng suất lao động.

- Tăng cường công tác đào tạo, tái đào tạo lao động để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Chú trọng các chương trình đào tạo kỹ năng mềm, triển khai các dịch vụ mới. Chuẩn hóa công tác xây dựng bài giảng online, thiết lập dữ liệu đào tạo chuyên nghiệp, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của học viên tham dự.

- Tiếp tục triển khai Văn hóa Doanh nghiệp BĐVN tại Tổng công ty EMS. Đồng thời triển khai xây dựng VHDN mang bản sắc riêng của EMS.

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, một số chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm nhằm phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty EMS.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- Ban TGD;
- Lưu VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Thị Hòa

Số:/TTTr-HĐQT.IV

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020;
Định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty EMS thông qua ngày 26/04/2018,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020

1. Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tỷ lệ tăng trưởng bq gđ 2016-2020	Tỷ lệ tăng trưởng bq gđ 2011-2020	Số liệu bq gđ 2016-2020
		TH	Tăng trưởng g %	TH	Tăng trưởng g %	TH	Tăng trưởng g %	TH	Tăng trưởng g %	TH	Tăng trưởng g %			
1	Tổng doanh thu	930.4	25%	1,243.4	34%	1,517.2	22%	1,805.3	19%	1,917.2	6%	19.8%	20.3%	
3	Lợi nhuận trước thuế	37.8	30%	62.7	38%	61.6	-2%	66.6	8%	71.5	7%	17.3%	12.3%	
4	Lợi nhuận sau thuế	30.1	34%	50.4	36%	48.9	-3%	53.2	9%	57.0	8%	17.3%	14.7%	
5	Vốn chủ sở hữu	148.9	1%	155.0	4%	160.1	3%	168.5	5%	176.7	5%	4.4%	2.8%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (*)	20.2%		32.5%		30.5%		31.5%		32.3%				29.4%
7	Tỷ lệ cổ tức	10%		12%		12%		10%		10%				10.8%

Ghi chú: () Vốn chủ sở hữu dùng để tính Tỷ suất lợi nhuận = Nguồn vốn chủ sở hữu - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.*

2. Đánh giá kết quả SXKD giai đoạn 2016-2020:

Tổng doanh thu đạt được trong giai đoạn 2016-2020 là 7.414 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 20%/năm, tương đương tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân giai đoạn 2011-2015; lợi nhuận trước thuế cả giai đoạn đạt 300 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là

17%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân giai đoạn 2011-2015 (tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân giai đoạn 2011-2015 là 12%).

2.1. Đánh giá kết quả kinh doanh:

- Năm 2016: doanh thu đạt 930 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2015. Trong năm 2016, Tổng công ty EMS đã thực hiện tốt vai trò của chủ quản dịch vụ chuyên phát nhanh EMS trên mạng Bưu chính do đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS phát sinh trên mạng Bưu chính đạt 630 tỷ đồng, tăng trưởng 28% so với năm 2015; doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS đạt 300 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2015, trong đó dịch vụ EMS trong nước có tốc độ tăng trưởng rất cao, tăng 49% so với năm 2015.

- Năm 2017: doanh thu đạt 1.243 tỷ đồng, tăng trưởng 33.65% so với 2016. Tổng công ty EMS tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị trên mạng Bưu chính cùng với việc đổi mới mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, thành lập Chi nhánh tại Hà Nội, đổi tên Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện thành Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (viết tắt trong báo cáo này là Tổng công ty EMS) đã dẫn đến doanh thu các dịch vụ năm 2017 của Tổng công ty đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020. Theo đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS trên mạng Bưu chính đạt 852 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm 2016; doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS đạt 392 tỷ đồng, tăng 31%, trong đó dịch vụ EMS trong nước có tốc độ tăng trưởng cao, tăng 43% so với năm 2016.

- Năm 2018: Tổng doanh thu đạt 1.517 tỷ đồng, tăng 22% so với 2017. Trong đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS trên mạng Bưu chính là 1.026 tỷ, tăng trưởng 20% so với năm 2017; doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS là 492 tỷ, tăng 25% so với năm 2017.

- Năm 2019: là năm có sức ép cạnh tranh được đánh giá là khá gay gắt trên thị trường bưu chính chuyên phát (BCCP), nhiều doanh nghiệp mới trong lĩnh vực BCCP được cấp phép tham gia thị trường, đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của mạng lưới, cũng như tại Tổng công ty EMS. Tổng doanh thu năm 2019 thực hiện là 1,805 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm 2017. Trong đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS trên mạng Bưu chính thực hiện năm 2019 là 1,214 tỷ đồng, tăng trưởng 18%; Doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS là 591 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2018.

- Năm 2020, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid19, tổng doanh thu thực hiện đạt 1.917 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2019. Trong đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS trên mạng Bưu chính là 1,282 tỷ đồng, tăng trưởng 6% so với năm 2019; doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS là 635 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2019.

2.2. Đánh giá về các chỉ tiêu tài chính:

Kết quả trên cho thấy, do doanh thu thực hiện năm 2020 đạt thấp đã ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân của cả giai đoạn. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính của Tổng công ty EMS trong giai đoạn này lại tương đối ổn định và cao hơn nhiều so với giai đoạn 2011-2015. Tổng lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2016-2020 đạt 300 tỷ đồng, tăng 136,4 tỷ đồng so với giai đoạn 2011-2015; tốc độ tăng trưởng bình quân

giai đoạn đạt 17,3%. Tỷ lệ cổ tức tiếp tục được duy trì ở mức 10% (trừ năm 2017 và 2018 là 12%). Trong đó:

- Năm 2017, các chỉ tiêu tài chính và tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính đều có sự biến động lớn so với năm 2016; đặc biệt là chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 62.7 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2016 (trong đó có khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế do được điều chỉnh giảm chi phí thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp năm 2016 và 2017 đối với khoản doanh thu cước đầu mà Bru chính nước ngoài được hưởng theo kết luận của Tổng cục thuế và Kiểm toán Nhà nước trong năm 2018 với số tiền hơn 9 tỷ đồng).

- Năm 2018, lợi nhuận trước thuế giảm nhẹ chỉ đạt 61,6 tỷ đồng, bằng 98,3% so với số thực hiện năm 2017 (nguyên nhân là do lợi nhuận năm 2017 có khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận nói trên).

- Năm 2019, lợi nhuận trước thuế quay lại đà tăng trưởng, đạt 66,6 tỷ đồng, tăng 8% so với lợi nhuận trước thuế năm 2017.

- Năm 2020: Ngay từ đầu năm 2020, tình hình kinh doanh đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch covid19. Tuy nhiên, do các dịch vụ quốc tế vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt do khai thác được lợi thế kinh doanh trong mùa dịch, vì vậy lợi nhuận trước thuế vẫn đạt 71,4 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2019.

Trong giai đoạn này, mặc dù doanh thu, lợi nhuận liên tục có mức tăng trưởng cao nhưng Tổng công ty EMS chưa có nhiều dự án đầu tư xây dựng và mở rộng cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Vì vậy Tổng công ty EMS vẫn duy trì quy mô vốn điều lệ ở mức 91,59 tỷ đồng và đến cuối năm 2020 mới thực hiện tăng vốn lên 150 tỷ theo phương án tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua. Vốn chủ sở hữu hàng năm tăng nhẹ là do việc bổ sung nguồn quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, với cổ đông và đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Do đó, chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu trong giai đoạn này rất cao, đạt từ 20,2% - 31,6%, tăng 71,8% so với tỷ lệ bình quân chung giai đoạn 2011-2015. Điều này cũng chứng tỏ Tổng công ty EMS sử dụng nguồn vốn của chủ sở hữu rất hiệu quả.

II. Đánh giá tình hình thị trường:

Chi tiết tại Phần II Báo cáo đính kèm.

III. Định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025

1. Định hướng về mô hình kinh doanh

Tập trung vào 3 trụ cột kinh doanh chính: Dịch vụ chuyên phát nhanh EMS trong nước, dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế và dịch vụ Logistics. Trong đó, lấy dịch vụ chuyên phát nhanh EMS trong nước là dịch vụ cốt lõi, làm nền tảng tạo năng lực cạnh tranh chính của Tổng công ty; hai trụ cột kinh doanh còn lại là các dịch vụ quốc tế và dịch vụ Logistics sẽ tập trung phát triển tạo nên sự đột phá và cạnh tranh trên thị trường.

2. Định hướng đổi mới mô hình tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh

Mô hình quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty EMS giai đoạn 2021-2025 tập trung thực hiện mục tiêu phát triển kinh doanh theo ba trụ cột dịch vụ: EMS trong nước, các dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế và Logistics theo định hướng sau:

2.1. Ngoài 03 Chi nhánh của Tổng công ty tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, thành lập thêm các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Trung tâm kinh doanh tại các địa bàn trọng điểm để phát triển kinh doanh dịch vụ EMS trong nước.

2.2. Thành lập Công ty EMS-Logistic trên cơ sở chuyển đổi mô hình Trung tâm Kinh doanh Logistics sang mô hình đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập để phát triển kinh doanh các dịch vụ Logistics: Forwarder, Lastmile, dịch vụ quản lý Kho hàng và hoàn tất đơn hàng.

2.3. Bước đầu thành lập Trung tâm kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trực thuộc Tổng công ty để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và phát triển kinh doanh các dịch vụ quốc tế như: dịch vụ EMS quốc tế, dịch vụ đại lý nước ngoài, dịch vụ TMĐT chuyên biên giới... Bên cạnh đó, sẽ tiến hành khảo sát và thiết lập văn phòng đại diện của EMS Việt Nam tại một số thị trường trọng điểm như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ...

3. Định hướng tổ chức sản xuất

Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh nhằm chuẩn hóa và chuyên nghiệp tất cả các khâu và công đoạn cung cấp dịch vụ, song song với việc đầu tư hạ tầng mặt bằng và các trang thiết bị để nâng cao năng lực phục vụ mục tiêu tăng trưởng, tăng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ. Trong đó:

3.1. Đầu tư hạ tầng mặt bằng và các trang thiết bị cho các Bưu cục khách hàng lớn sử dụng dịch vụ EMS và các service center phục vụ khách hàng logistics để phát triển kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh EMS và dịch vụ Logistics.

3.2. Thành lập thêm các Hub khai thác EMS tại một số tỉnh/TP để giảm áp lực tại các Hub khai thác vùng hiện có và rút ngắn chỉ tiêu toàn trình, tăng tỷ lệ khớp nối của dịch vụ EMS; Đầu tư hệ thống dây chuyền chia chọn tự động và mở rộng diện tích các Hub khai thác vùng để nâng cao năng lực phục vụ, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng.

3.3. Triển khai thêm bộ phận KT EMS quốc tế tại Đà Nẵng để rút ngắn chỉ tiêu thời gian bưu gửi đi quốc tế; mở rộng quan hệ hợp tác các đối tác chuyển phát quốc tế để phát triển kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đi quốc tế, giảm sự phụ thuộc vào Bưu chính các nước; Triển khai phương án mở văn phòng đại diện của EMS Việt Nam tại các thị trường trọng điểm như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ để nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển kinh doanh dịch vụ quốc tế.

3.4. Quy hoạch lại mạng vận chuyển theo định hướng đầu tư phương tiện vận chuyển đáp ứng ít nhất 30% nhu cầu vận chuyển trên mạng vận chuyển đường trực và đường thu cấp 1 phục vụ phát triển kinh doanh dịch vụ EMS và dịch vụ Logitisc, giảm sự phụ thuộc vào đường xe chuyên ngành và các đối tác vận chuyển bên ngoài; Bên cạnh đó, duy trì quan hệ hợp tác chiến lược với Tổng công ty Hàng không Việt Nam và các đối tác cung cấp dịch

vụ vận chuyển hàng không trong nước, quốc tế khác để đảm bảo tải bay phục vụ nhu cầu phát triển kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước, quốc tế.

3.5. Áp dụng cơ chế thanh toán theo chất lượng đối với khâu phát bưu gửi EMS tại địa bàn các BDT/TP; tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng công đoạn phát dịch vụ EMS.

IV. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

Mục tiêu đến năm 2025:

- Tổng doanh thu: **6,200 tỷ đồng**, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn là 24.3%/năm.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: **110 tỷ đồng**, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn là 10%/năm.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đến năm 2025 là 29.1%, bình quân giai đoạn là 28.7%

- Tỷ lệ cổ tức bình quân năm: 10%.

V. Giải pháp triển khai

1. Hạ tầng cơ sở vật chất

Để có thể đáp ứng được tốc độ tăng trưởng quy mô doanh thu giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty EMS dự kiến tập trung nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng mặt bằng (trụ sở, chi nhánh, kho bãi, trung tâm khai thác....); đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; mua sắm các trang thiết bị để từng bước hiện đại hóa quy trình sản xuất, đầu tư phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của các dịch vụ trụ cột. Trong đó ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư các dự án lớn sau:

- Về mặt bằng sản xuất: tập trung tìm kiếm, mua mặt bằng quy hoạch mặt bằng Hub khai thác vùng tại TP. HCM để đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ EMS; tìm kiếm thuê, mua mặt bằng đầu tư hạ tầng hệ thống kho, bãi để phát triển kinh doanh dịch vụ Logistics và mặt bằng quy hoạch các Hub khai thác vùng tại một số địa bàn trọng điểm để tăng năng lực phục vụ, giảm tải cho các Hub vùng tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP. HCM.

- Đầu tư trang thiết bị để tăng năng lực phục vụ đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, nâng cao NSLĐ và chất lượng dịch vụ: đầu tư dây chuyền chia chọn tại các Hub khai thác vùng; các trang thiết bị tự động, bán tự động tại các Bru cục phục vụ KHL dịch vụ EMS; trang thiết bị, công cụ tại các service center phục vụ khách hàng sử dụng dịch vụ LML.

- Đầu tư phương tiện vận chuyển để nâng cao năng lực mạng vận chuyển đường trực đáp ứng nhu cầu tăng trưởng dịch vụ EMS và dịch vụ FWD.

- Đầu tư phát triển hạ tầng CNTT theo chiến lược chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty trong kỷ nguyên số và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

- Đầu tư hạ tầng mặt bằng và các trang thiết bị phục vụ yêu cầu mở rộng địa bàn kinh doanh theo định hướng thành lập các Chi nhánh của Tổng công ty EMS tại một số địa bàn trọng điểm, thành lập Công ty KD dịch vụ Logistics.

2. Mạng lưới cung cấp dịch vụ

- Bên cạnh việc khai thác tối đa lợi thế về quy mô mạng Bưu chính cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Tổng công ty EMS từng bước sẽ mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ tại một số địa bàn trọng điểm để tăng năng lực cạnh tranh.

- Đối với mạng lưới dịch vụ quốc tế, Tổng công ty định hướng mở rộng mạng lưới thông qua việc tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác với Bưu chính các nước, hợp tác với các công ty chuyển phát nhanh quốc tế ngoài bưu chính, thiết lập đầu mối và Văn phòng đại diện tại nước ngoài.

3. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Kỷ nguyên số và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên qui mô toàn cầu và tác động trực tiếp tới nền kinh tế Việt Nam, trong đó các doanh nghiệp là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp. Để cập nhật kịp thời xu hướng công nghệ và phát triển kinh doanh trong kỷ nguyên số, Tổng công ty EMS dự kiến xây dựng chiến lược chuyển đổi số và kiến trúc CNTT tổng thể theo định hướng sau:

3.1. Chiến lược chuyển đổi số

Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, khung kiến trúc tổng thể về nghiệp vụ, ứng dụng, dữ liệu, công nghệ và an toàn thông tin; Hoạch định lộ trình triển khai và quản trị thực hiện theo lộ trình song song với việc quản trị thay đổi và quản lý các yêu cầu; nắm bắt kịp thời và ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới (tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn...) vào hoạt động sxkd nhằm tăng năng suất, chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng.

3.2. Xây dựng kiến trúc CNTT tổng thể của Tổng công ty theo định hướng:

- Có tầm nhìn dài hạn về đầu tư hạ tầng CNTT, xây dựng quy hoạch kiến trúc hạ tầng CNTT gắn với các mục tiêu chiến lược của Tổng công ty. Triển khai hệ thống đồng bộ, tối ưu, hạn chế trùng lặp để tiết kiệm chi phí và thời gian. Ứng dụng và khai thác thông tin hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh cho Tổng công ty.

- Ứng dụng CNTT triệt để trong các công đoạn cung cấp dịch vụ. Phát triển hệ thống CNTT đồng bộ với hệ thống CNTT của Tổng công ty BĐVN trên cơ sở đề xuất với Tổng công ty BĐVN cho phép tham gia vào các dự án phát triển hạ tầng CNTT lớn của TCTY để tiết kiệm chi phí đầu tư, rút ngắn thời triển khai và tối ưu hóa nguồn lực CNTT trên toàn mạng lưới.

- Đầu tư vào hạ tầng CNTT mạnh đủ để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh mới, tập trung hóa dữ liệu và chú trọng vào công tác an toàn thông tin.

- Đầu tư vào nguồn nhân lực CNTT: tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn, ưu tiên nhân tố mới với tư duy và tầm nhìn đột phá về CNTT để phụ trách lĩnh vực CNTT của

Tổng công ty; nâng cao nhận thức và hiểu biết của đội ngũ cán bộ quản lý Tổng công ty thông qua các khóa đào tạo bổ sung kiến thức mới về CNTT; Đồng thời, liên kết và hợp tác với các đối tác có thế mạnh về CNTT để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số.

3.3. Tổ chức bộ máy liên quan đến lĩnh vực CNTT:

Tổ chức các bộ phận quản lý chuyên sâu từng lĩnh vực nhằm triển khai có hiệu quả chiến lược chuyển đổi số tại Tổng Công ty:

- Thành lập Ban nghiên cứu ứng dụng và phát triển dịch vụ mới: chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng CNTT của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025; phát triển các ứng dụng công nghệ mới phục vụ nhu cầu phát triển kinh doanh và triển khai các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025. Ban nghiên cứu ứng dụng và phát triển dịch vụ mới có trách nhiệm phối hợp với TT CNTT để triển khai ứng dụng mới đảm bảo quy hoạch hệ thống chung. Sau khi triển khai ứng dụng thực tế trên diện rộng cần chuyển giao công tác quản trị và vận hành cho Trung tâm CNTT.

- Thành lập Trung tâm CNTT: Chịu trách nhiệm chính trong việc quản trị, vận hành hệ thống CNTT hiện hành. Nâng cấp các ứng dụng CNTT hiện hành để đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Chịu trách nhiệm về các hoạt động ANTT, an toàn dữ liệu và phát triển nguồn nhân lực CNTT. Quy hoạch hệ thống CNTT để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Thành lập Trung tâm/Ban kỹ thuật và công nghệ: Chịu trách nhiệm chính trong việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ và các trang thiết bị tiên tiến để hiện đại hóa các công đoạn cung cấp dịch vụ của Tổng công ty (không bao gồm các trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số và ứng dụng CNTT như máy chủ, đường truyền mạng...).

4. Nguồn nhân lực

Chiến lược và giải pháp phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty EMS giai đoạn 2021-2025 tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

4.1. Ổn định và phát triển nguồn nhân lực hiện có thông qua các giải pháp:

- Hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, đảm bảo nguyên tắc công bằng cho CBCNV về cơ hội thăng tiến; xây dựng và áp dụng cơ chế trả lương theo sản phẩm; trả lương theo kết quả đánh giá chỉ tiêu KPI hàng tháng để khuyến khích CBCNV tăng NSLĐ và hiệu quả công việc, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong từng vị trí công việc để CBCNV có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân;

- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ nhân viên; thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý để tạo điều kiện gắn bó lâu dài của CBCNV với Tổng công ty; tạo ra môi trường làm việc năng động, tích cực, thân thiện, giúp CBCNV cân bằng giữa công việc và cuộc sống;

- Duy trì chương trình thi đua khen thưởng hàng năm; chương trình thi đua mà phần thưởng là các chuyến tham quan du lịch để tạo động lực cho CBCNV; đẩy mạnh các phong trào văn hóa thể thao nhân dịp các ngày: thành lập Đoàn TNCS HCM, thành lập ngành hoặc

thành lập TCTY; tham gia phong trao VHHT do Tổng công ty BĐVN tổ chức để CBCNV có cơ hội giao lưu học hỏi, vui chơi giải trí để động viên tinh thần CBCNV hăng say làm việc, gắn bó lâu dài vì sự phát triển của Tổng công ty.

4.2. Thực hiện chính sách tuyển dụng lao động, thu hút nhân tài thông qua các giải pháp:

- Xây dựng cơ chế đãi ngộ về tiền lương, chế độ phúc lợi hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn lực có chất lượng cao, có tư duy đột phá từ bên ngoài để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển sxkd trong kỷ nguyên số và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

- Liên kết với các trường đại học hàng đầu và các công ty cung cấp nhân sự để có sẵn nguồn ứng viên là sinh viên mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn nhân lực trẻ năng động, đáp ứng sự phát triển lâu dài của Tổng công ty. Áp dụng xu hướng công nghệ trong công tác tuyển dụng như liên kết với các mạng xã hội: Facebook, LinkedIn, Twister...

- Sàng lọc nguồn lao động đầu vào để đảm bảo tuyển dụng được những nhân viên thật sự có khả năng, tâm huyết với công việc, nhiệt tình và sáng tạo, có hướng gắn bó lâu dài.

4.3. Xây dựng chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực gắn với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025. Theo đó chính sách đào tạo của Tổng công ty cần đảm bảo các nguyên tắc và yêu cầu sau:

- Tạo điều kiện cho nhân viên các cơ hội học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thông qua các chương trình, nội dung đào tạo đa dạng, các hình thức đào tạo linh hoạt, các phương thức hỗ trợ phù hợp... nhằm đảm bảo nhân viên đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao, hoàn thiện cho kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình và góp phần xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh của Tổng công ty;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ trong quy hoạch để nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ kế cận thông qua việc cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức tài chính, quản trị cho các cấp quản lý; đào tạo Thạc sỹ và các lớp đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên sâu thuộc các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty; các lớp đào tạo kỹ năng mềm cho đội ngũ cán bộ, nhân viên...

- Từng bước ứng dụng công nghệ vào công tác đào tạo nội bộ của Tổng công ty; xây dựng thư viện bài giảng và các khóa học trực tuyến; nghiên cứu và áp dụng các mô hình đánh giá kết quả sau các khóa đào tạo cho các chức danh khối chức năng và sản xuất của Tổng công ty.

3.4. Văn hóa Doanh nghiệp - Môi trường làm việc:

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của EMS Việt Nam trên cơ sở phát triển Văn hóa doanh nghiệp Bru điện Việt Nam tại Tổng công ty EMS. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp EMS Việt Nam trọng tâm là đầu tư vào con người, với mục tiêu là xây dựng đội ngũ cán bộ có tầm nhìn và năng lực lãnh đạo; đội ngũ CBCNV, người lao động

trung thành, tận tụy vì sứ mệnh của doanh nghiệp, tạo nên giá trị cốt lõi và sức mạnh để EMS Việt Nam phát triển bền vững.

- Xây dựng môi trường làm việc thu hút người lao động với chính sách tiền lương, phúc lợi hấp dẫn. Tạo điều kiện cho nhân viên được phát huy năng lực, cơ hội được đào tạo và thăng tiến với văn hóa làm việc cởi mở, năng động và các quyền lợi của người lao động được đảm bảo.

5. Nguồn vốn

Để đáp ứng nhu cầu đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty EMS xây dựng lộ trình tăng vốn phù hợp để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. Theo đó, lộ trình tăng vốn được thực hiện theo nguyên tắc “không huy động vốn góp bằng tiền của các cổ đông”; số vốn tăng thêm được huy động từ các nguồn sau:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế hàng năm.
- Chia cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu hiện có (cụ thể là quỹ đầu tư phát triển được tích lũy hàng năm từ lợi nhuận sau thuế).

Theo nguyên tắc tăng vốn nói trên, Tổng công ty EMS dự kiến đến năm 2025 vốn điều lệ của Tổng công ty EMS tăng lên mức 280 tỷ đồng.

Trên đây là nội dung tóm tắt về định hướng phát triển của Tổng công ty EMS giai đoạn 2021-2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo kết quả sxkd giai đoạn 2016-2020, định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Thị Lan Hương

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020

1. Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tỷ lệ tăng trưởng bq gd 2016-2020	Tỷ lệ tăng trưởng bq gd 2011-2020	Số liệu bq gd 2016-2020
		TH	Tăng trưởng g %	TH	Tăng trưởng g %	TH	Tăng trưởng g %	TH	Tăng trưởng g %	TH	Tăng trưởng g %			
1	Tổng doanh thu	930.4	25%	1,243.4	34%	1,517.2	22%	1,805.3	19%	1,917.2	6%	19.8%	20.3%	
3	Lợi nhuận trước thuế	37.8	30%	62.7	38%	61.6	-2%	66.6	8%	71.5	7%	17.3%	12.3%	
4	Lợi nhuận sau thuế	30.1	34%	50.4	36%	48.9	-3%	53.2	9%	57.0	8%	17.3%	14.7%	
5	Vốn chủ sở hữu	148.9	1%	155.0	4%	160.1	3%	168.5	5%	176.7	5%	4.4%	2.8%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (*)	20.2%		32.5%		30.5%		31.5%		32.3%				29.4%
7	Tỷ lệ cổ tức	10%		12%		12%		10%		10%				10.8%

Ghi chú: () Vốn chủ sở hữu dùng để tính Tỷ suất lợi nhuận = Nguồn vốn chủ sở hữu - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.*

2. Đánh giá kết quả SXKD giai đoạn 2016-2020:

Tổng doanh thu đạt được trong giai đoạn 2016-2020 là 7.414 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 20%/năm, tương đương tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân giai đoạn 2011-2015; lợi nhuận trước thuế cả giai đoạn đạt 300 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 17%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân giai đoạn 2011-2015 (tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân giai đoạn 2011-2015 là 12%).

2.1. Đánh giá kết quả kinh doanh:

- Năm 2016: doanh thu đạt 930 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2015. Trong năm 2016, Tổng công ty EMS đã thực hiện tốt vai trò của chủ quản dịch vụ chuyên phát nhanh EMS trên mạng Bưu chính do đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS phát sinh trên mạng Bưu chính đạt 630 tỷ đồng, tăng trưởng 28% so với năm 2015; doanh thu phát sinh tại Tổng công ty

EMS đạt 300 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2015, trong đó dịch vụ EMS trong nước có tốc độ tăng trưởng rất cao, tăng 49% so với năm 2015.

- Năm 2017: doanh thu đạt 1.243 tỷ đồng, tăng trưởng 33.65% so với 2016. Tổng công ty EMS tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị trên mạng Bưu chính cùng với việc đổi mới mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, thành lập Chi nhánh tại Hà Nội, đổi tên Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện thành Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (viết tắt trong báo cáo này là Tổng công ty EMS) đã dẫn đến doanh thu các dịch vụ năm 2017 của Tổng công ty đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020. Theo đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS trên mạng Bưu chính đạt 852 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm 2016; doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS đạt 392 tỷ đồng, tăng 31%, trong đó dịch vụ EMS trong nước có tốc độ tăng trưởng cao, tăng 43% so với năm 2016.

- Năm 2018: Tổng doanh thu đạt 1.517 tỷ đồng, tăng 22% so với 2017. Trong đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS trên mạng Bưu chính là 1.026 tỷ, tăng trưởng 20% so với năm 2017; doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS là 492 tỷ, tăng 25% so với năm 2017.

- Năm 2019: là năm có sức ép cạnh tranh được đánh giá là khá gay gắt trên thị trường bưu chính chuyên phát (BCCP), nhiều doanh nghiệp mới trong lĩnh vực BCCP được cấp phép tham gia thị trường, đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của mạng lưới, cũng như tại Tổng công ty EMS. Tổng doanh thu năm 2019 thực hiện là 1,805 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm 2017. Trong đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS trên mạng Bưu chính thực hiện năm 2019 là 1,214 tỷ đồng, tăng trưởng 18%; Doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS là 591 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2018.

- Năm 2020, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid19, tổng doanh thu thực hiện đạt 1.917 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2019. Trong đó doanh thu giá vốn dịch vụ EMS trên mạng Bưu chính là 1,282 tỷ đồng, tăng trưởng 6% so với năm 2019; doanh thu phát sinh tại Tổng công ty EMS là 635 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2019.

2.2. Đánh giá về các chỉ tiêu tài chính:

Kết quả trên cho thấy, do doanh thu thực hiện năm 2020 đạt thấp đã ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân của cả giai đoạn. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính của Tổng công ty EMS trong giai đoạn này lại tương đối ổn định và cao hơn nhiều so với giai đoạn 2011-2015. Tổng lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2016-2020 đạt 300 tỷ đồng, tăng 136,4 tỷ đồng so với giai đoạn 2011-2015; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn đạt 17,3%. Tỷ lệ cổ tức tiếp tục được duy trì ở mức 10% (trừ năm 2017 và 2018 là 12%). Trong đó:

- Năm 2017, các chỉ tiêu tài chính và tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính đều có sự biến động lớn so với năm 2016; đặc biệt là chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 62.7 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2016 (trong đó có khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế do được điều chỉnh giảm chi phí thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp năm 2016 và 2017 đối với khoản doanh thu cước đầu mà Bưu chính nước ngoài được hưởng theo kết luận của Tổng cục thuế và Kiểm toán Nhà nước trong năm 2018 với số tiền hơn 9 tỷ đồng).

- Năm 2018, lợi nhuận trước thuế giảm nhẹ chỉ đạt 61,6 tỷ đồng, bằng 98,3% so với số thực hiện năm 2017 (nguyên nhân là do lợi nhuận năm 2017 có khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận nói trên).

- Năm 2019, lợi nhuận trước thuế quay lại đà tăng trưởng, đạt 66,6 tỷ đồng, tăng 8% so với lợi nhuận trước thuế năm 2017.

- Năm 2020: Ngay từ đầu năm 2020, tình hình kinh doanh đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch covid19. Tuy nhiên, do các dịch vụ quốc tế vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt do khai thác được lợi thế kinh doanh trong mùa dịch, vì vậy lợi nhuận trước thuế vẫn đạt 71,4 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2019.

Trong giai đoạn này, mặc dù doanh thu, lợi nhuận liên tục có mức tăng trưởng cao nhưng Tổng công ty EMS chưa có nhiều dự án đầu tư xây dựng và mở rộng cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Vì vậy Tổng công ty EMS vẫn duy trì quy mô vốn điều lệ ở mức 91,59 tỷ đồng và đến cuối năm 2020 mới thực hiện tăng vốn lên 150 tỷ theo phương án tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua. Vốn chủ sở hữu hàng năm tăng nhẹ là do việc bổ sung nguồn quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, với cổ đông và đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Do đó, chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu trong giai đoạn này rất cao, đạt từ 20,2% - 31,6%, tăng 71,8% so với tỷ lệ bình quân chung giai đoạn 2011-2015. Điều này cũng chứng tỏ Tổng công ty EMS sử dụng nguồn vốn của chủ sở hữu rất hiệu quả.

PHẦN II ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

I. Quy mô thị trường

1. Giai đoạn 2016-2020

- GDP toàn cầu và khu vực ASEAN giai đoạn 2016-2020:

Khu vực	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
Toàn cầu	tỷ USD	7.585	8.140	8.773	9.340	9.326
	%	6.08%	7.32%	7.77%	6.46%	-0.14%
ASEAN	tỷ USD	121.090	128.047	135.762	142.006	138.352
	%	4.39%	5.75%	6.03%	4.60%	-2.57%

- Đối với Thị Trường xuất khẩu, thị trường lớn của Việt Nam tại Châu Âu gồm Hà Lan, Đức, Anh, Pháp, Ý, Tây Ban Nha. Tại Thị trường Asean như Thái Lan, Campuchia, Malaysia, tại các thị trường khác như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kong, Ấn Độ, Đài Loan, Canada. Đây cũng là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam trong thời gian tới.

2. Dự báo giai đoạn 2021-2025:

Đại dịch COVID-19 bùng nổ vào đầu năm 2020 đã gây ra những thiệt hại hết sức nặng nề cho nền kinh tế thế giới. Tại Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) các chuyên gia cảnh báo COVID19 có thể khiến nền kinh tế toàn cầu thiệt hại khoảng 1.000 tỷ USD trong năm 2020. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự đoán tăng trưởng kinh tế năm 2020 của châu Á sẽ ngừng tăng trưởng lần đầu tiên trong 60 năm qua, khi cuộc khủng hoảng y tế do dịch COVID-19 đã gây ra thiệt hại “chưa từng có” đối với lĩnh vực dịch vụ của khu vực này. Do đại dịch chưa có hồi kết thúc mà vẫn diễn ra vô cùng phức tạp, giới chuyên gia chỉ có thể đánh giá ước lượng GDP toàn cầu năm 2020 đạt 138.352 tỷ USD, tăng trưởng âm 2,57% so với cùng kỳ và dự báo GDP toàn cầu 2021 sẽ phục hồi và ước đạt 149.128 tỷ USD, tăng trưởng 7,9% với điều kiện dịch bệnh sẽ giảm dần trong nửa cuối năm 2020.

Đối với nền kinh tế Việt Nam, trong giai đoạn 2021-2025 chắc chắn sẽ phải đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế chưa và chậm được khắc phục cũng như các vấn đề xã hội - môi trường gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế, xã hội. Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ đưa ra các mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; mục tiêu hướng đến năm 2025 của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trong đó, có mục tiêu phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của cả nước bình quân 5 năm 2021-2025 tăng khoảng 7%/năm.

II. Một số thoả thuận quốc tế có liên quan đến Việt Nam và ngành bưu chính

1. Hiệp định CPTPP (TPP11): Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được chính thức ký kết vào tháng 3/2018 bởi 11 nước thành viên còn lại của TPP (không bao gồm Hoa Kỳ), đã được 7 nước thành viên phê chuẩn, bao gồm Australia, Canada, Nhật Bản, Mexico, Singapore, New Zealand, Việt Nam và đã chính thức có hiệu lực vào ngày 30/12/2018. CPTPP có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 14/1/2019. Với Hiệp định này, thị trường chuyên phát hàng Thương mại đi Nhật Bản, Úc, Canada và ngược lại sẽ có điều kiện phát triển mạnh, đặc biệt đây cũng là các nước mà Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu đi cao nhất.

2. Hiệp định EVFTA: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 28 nước thành viên EU. EVFTA được ký kết ngày 30/6/2019 và được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 8/6/2020. Đối với EVFTA, sau khi được phê chuẩn, Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1/8/2020. Đây là cú hích giúp Việt Nam phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID19. Đối với xuất khẩu của Việt Nam, ngay khi hiệp định có hiệu lực, gần 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn. Điều đó mở ra cơ hội mới cho thị trường chuyên phát sang EU và ngược lại, các nước tiềm năng cho thị trường này như tại các thị trường có giá trị xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD trong năm 2019 là Hà Lan (6,88 tỷ USD), Đức (6,56 tỷ USD), Pháp (3,76 tỷ USD), Italia (3,44 tỷ USD), Tây Ban Nha (2,72 tỷ USD), Bỉ.

3. Hiệp định RCEP (ASEAN+6): Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) giữa ASEAN và 6 đối tác đã có FTA với ASEAN là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật

Bản, Ấn Độ, Australia và New Zealand bắt đầu đàm phán từ ngày 9/5/2013. Tháng 11/2019, các nước thành viên đã cơ bản hoàn tất đàm phán văn kiện RCEP. Hiệp định bao gồm những đối tác xuất khẩu lớn của Việt Nam, hứa hẹn sẽ mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước. Hiệp định cũng được đánh giá là hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới, bao trùm một thị trường khổng lồ có quy mô 24,8 nghìn tỷ USD và hơn 2,3 tỷ người.

III. Xu hướng chuyển dịch sản xuất sang Việt Nam và xu hướng TMĐT tác động đến ngành bưu chính

1. Xu hướng dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam

Kể từ năm 2018, căng thẳng thương mại Mỹ-Trung, xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước khiến dòng vốn đầu tư trên thế giới sụt giảm (trên 10% năm 2018 và 2019), đồng thời có sự dịch chuyển mạnh giữa các khu vực và quốc gia. Trong xu thế đó, các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam đang nổi lên như là điểm đến tiềm năng, là điểm đến cho sự phân bổ lại dòng vốn đầu tư, đặc biệt là xu hướng dịch chuyển dòng vốn từ Trung Quốc. Quá trình dịch chuyển sẽ không ngay lập tức, mà thường có lộ trình từ 2-5 năm do các chuỗi cung ứng toàn cầu đã được hoàn thiện không thể dịch chuyển nhanh chóng.

Trước đại dịch COVID19, vốn FDI đầu tư vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào 3 lĩnh vực chính là công nghiệp chế biến-chế tạo, kinh doanh bất động sản và bán buôn-bán lẻ-sửa chữa ô tô, xe máy. Từ khi đại dịch COVID19 xảy ra, các nhà đầu tư nước ngoài đã và đang dịch chuyển đầu tư chủ yếu trong các lĩnh vực công nghệ cao (Samsung, Apple) , thiết bị điện tử và phụ kiện (Panasonic), logistics thương mại điện tử (Alibaba, amazon), hàng tiêu dùng bán lẻ (Zara, H&M, Uniqlo),...

2. Xu hướng phát triển thương mại điện tử

2.1. Thị trường TMĐT trong nước

TMĐT được xác định là một lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số, nơi các công nghệ tiên tiến của cách mạng 4.0 được ứng dụng rộng rãi để tăng hiệu quả chu trình kinh doanh, hiện đại hóa hệ thống phân phối, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu.

Mục tiêu phát triển TMĐT giai đoạn 2021-2025 đặt ra là có 55% dân số tham gia mua sắm trực tuyến; giá trị mua hàng hóa và dịch vụ trực tuyến đạt trung bình 600 USD/người/năm; doanh số TMĐT mô hình doanh nghiệp - người tiêu dùng (B2C) tăng 25%/năm, đạt 35 tỷ USD, chiếm 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước; thanh toán không dùng tiền mặt trong TMĐT đạt 50%; 70% giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng TMĐT có hóa đơn điện tử; 80% website TMĐT có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến; 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh trên các sàn giao dịch TMĐT; 40% doanh nghiệp tham gia hoạt động TMĐT trên các ứng dụng di động; 70% đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông triển khai hợp đồng điện tử với người tiêu dùng...

Để thực hiện mục tiêu đề ra, Kế hoạch tổng thể Phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã chỉ ra nhiệm vụ và giải pháp hoàn thiện chính sách cho TMĐT trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0; nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động TMĐT, đấu tranh ngăn chặn gian lận thương mại, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh không lành mạnh trong TMĐT; xây dựng thị trường và nâng cao lòng tin người tiêu dùng với TMĐT; tăng cường năng lực các hệ thống hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho TMĐT; đẩy mạnh ứng dụng TMĐT hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển TMĐT tại các địa phương.

Như vậy thị trường TMĐT cũng vấp phải rào cản hết sức to lớn đó là việc thắt chặt các chính sách thuế tại Việt Nam có thể thông qua sàn TMĐT, thông qua đơn vị chuyển phát, ngân hàng... Theo đó, nhà nước có thể sẽ quản lý chặt chẽ hơn vấn đề nộp thuế của các cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh TMĐT. Trường hợp việc kiểm soát dòng tiền được thực hiện chặt chẽ qua ngân hàng thì đây cũng sẽ là rào cản để phát triển thanh toán trực tuyến khi đó dịch vụ phát hàng thu tiền sẽ vẫn có cơ hội phát triển nhưng dưới hình thức khác... Bên cạnh đó, việc đấu tranh gian lận thương mại trước tình trạng hàng lậu, hàng giả tràn lan sẽ được thắt chặt, đây cũng là rào cản lớn để các khách hàng cá nhân bán hàng TMĐT phát triển nhưng cũng là cơ hội để cho thị trường TMĐT quốc tế, nơi các sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng hơn gia nhập thị trường Việt Nam.

2.2. Thị trường TMĐT quốc tế (Crossborder E-commerce)

Trong bối cảnh của Cuộc cách mạng 4.0, TMĐT xuyên biên giới đang nhanh chóng trở thành nhân tố cốt lõi của nền kinh tế toàn cầu và là xu hướng tất yếu mà không một quốc gia nào có thể đứng ngoài cuộc. TMĐT giúp người tiêu dùng thông qua internet để mua sắm tại các thị trường quốc tế và trở thành “người tiêu dùng toàn cầu”. Hiện nay, Đông Nam Á đã trở thành một trong những vùng phát triển internet nhanh nhất thế giới, tuy nhiên tại thị trường hơn 600 triệu dân này, doanh thu TMĐT chỉ chiếm chưa tới 4% tổng doanh thu ngành bán lẻ. Với dư địa phát triển còn nhiều như vậy, Đông Nam Á đang là điểm đến hấp dẫn với các nhà đầu tư, đặc biệt là Việt Nam.

Riêng về tiềm năng cho thương mại điện tử xuyên biên giới từ nước ngoài về Việt Nam, thị trường đang có những lợi thế nổi bật sau: Doanh thu TMĐT Việt Nam đứng thứ 3 trong khu vực, ước tính đạt 2.8 tỉ USD và được dự báo sẽ đạt mức 15 tỷ đô vào năm 2025 (Theo Google và Temasek); tại thời điểm năm 2018 đã có 49,8 triệu người dùng tham gia mua hàng trên kênh TMĐT (Theo Statista), số lượng đơn hàng được xử lý mỗi ngày lên đến hơn 3 triệu (Theo công bố của Cục trưởng Cục Thương mại Điện tử và kinh tế số); Chi tiêu trung bình 186 USD/năm cho mua hàng online (2017), tương đương 4,3 triệu đồng (Theo Sách trắng TMĐT Việt Nam năm 2018 của Bộ Công Thương).

Với tiềm năng này, lĩnh vực bán hàng xuyên biên giới sẽ phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam không chỉ nhờ vào sự nỗ lực lớn của các sàn TMĐT mà còn của những thay đổi trong chính sách Nhà nước.

Trước xu thế của hoạt động kinh tế thời 4.0, ngày 15/05/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 645/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, trong đó có chú trọng đến nội dung về Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động thương mại điện tử. Bên cạnh đó, tại Quyết định 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Đề án quản lý hoạt động TMĐT đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Đây là những chính sách, hành lang pháp lý chính giúp cho TMĐT xuyên biên giới tại Việt Nam phát triển trong tương lai, phát huy những lợi ích và giảm thiểu tác động tiêu cực của hình thức thương mại tiên tiến này.

IV. Môi trường chính trị xã hội

Theo báo cáo môi trường kinh doanh năm 2018 được Ngân hàng Thế giới công bố, Việt Nam đứng vị trí 68/190 nền kinh tế, tăng 14 bậc so với năm 2017. Bức tranh kinh tế Việt Nam đang phát triển tốt với số lượng doanh nghiệp tăng nhanh. Thời gian qua, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong cả nước tăng nhanh với tổng vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 10,2 tỷ đồng. Khu vực doanh nghiệp, với vai trò đóng góp lớn nhất vào quy mô phát triển của nền kinh tế, chiếm trên 60% trong GDP. Điều này đã cho thấy, môi trường và xu hướng sản xuất kinh doanh đã được tạo dựng do Chính phủ luôn thực hiện chủ trương Chính phủ kiến tạo.

Việc chuyển dịch đầu tư đã và đang diễn ra trong đó Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia hấp dẫn thu hút vốn FDI. Tuy nhiên, để tạo ra lợi thế và cạnh tranh với các nước trong khu vực trong thu hút vốn FDI này, Việt Nam cần duy trì sự ổn định môi trường vĩ mô, nâng cao năng lực chống chọi của nền kinh tế và luôn đảm bảo tính nhất quán, ổn định và phù hợp của các cơ chế, chính sách điều hành kinh tế vĩ mô để các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn tại Việt Nam, thực hiện hiệu quả Nghị quyết 58/NQ-CP về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

V. Thị trường Bưu chính chuyển phát và logistics thế giới hiện tại và xu hướng phát triển dịch vụ bưu chính theo xu thế phát triển của công nghệ trong kỷ nguyên số

Hiện nay, thị trường bưu chính và logistics toàn cầu chịu tác động bởi các yếu tố chính gồm: những bước tiến lớn về công nghệ, biến động thương mại quốc tế, những xu hướng mới trong thương mại điện tử.

Sự phát triển của các nền tảng thương mại và thanh toán điện tử toàn cầu như Alibaba, Amazon và e-Bay, đã cho phép nhiều doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa tại các thị trường mới nổi tiếp cận người tiêu dùng trên toàn thế giới bằng cách mở rộng các kênh tiếp thị, hệ thống phân phối và logistics xuyên biên giới của họ. Đồng thời, nhiều công ty đa quốc gia đang tập trung kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới logistics ở các thị trường mới nổi để tận dụng mức tăng chi tiêu của người tiêu dùng, nguồn lực tại chỗ và đáp ứng đúng thị hiếu

địa phương.

Xu hướng tự động hóa đang làm thay đổi nền sản xuất toàn cầu cũng như hoạt động của ngành bưu chính và logistics. Số hóa nền kinh tế, đổi mới cơ chế hỗ trợ của Chính phủ, văn hóa tiêu dùng, sự phát triển của thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ đang giúp logistics liên ngành và xuyên biên giới phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Về quy mô lĩnh vực logistics toàn cầu (gồm cả logistics tự thực hiện và dịch vụ logistics - thuê ngoài), do sự phức tạp đó nên các thống kê và đo lường về quy mô thị trường logistics toàn cầu vẫn chưa thống nhất, đặc biệt trong bối cảnh có sự đan xen rất lớn giữa các loại hình logistics và tích hợp các hoạt động trong chuỗi cung ứng xuyên biên giới. Theo báo cáo “Logistics Service Market Report - Forecast up to 2027” phát hành bởi Market Research Future, doanh thu thị trường dịch vụ logistics (3PL, 4PL) toàn cầu đạt trên một nghìn tỷ USD trong năm 2019 và dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ 6,9%/năm trong giai đoạn dự báo 2019 - 2027, đạt trên 2 nghìn tỷ USD vào năm 2027.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng về mô hình kinh doanh

Tập trung vào 3 trụ cột kinh doanh chính: Dịch vụ chuyên phát nhanh EMS trong nước, dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế và dịch vụ Logistics. Trong đó, lấy dịch vụ chuyên phát nhanh EMS trong nước là dịch vụ cốt lõi, làm nền tảng tạo năng lực cạnh tranh chính của Tổng công ty; hai trụ cột kinh doanh còn lại là các dịch vụ quốc tế và dịch vụ Logistics sẽ tập trung phát triển tạo nên sự đột phá và cạnh tranh trên thị trường.

2. Định hướng đổi mới mô hình tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh

Mô hình quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty EMS giai đoạn 2021-2025 tập trung thực hiện mục tiêu phát triển kinh doanh theo ba trụ cột dịch vụ: EMS trong nước, các dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế và Logistics theo định hướng sau:

2.1. Ngoài 03 Chi nhánh của Tổng công ty tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, thành lập thêm các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Trung tâm kinh doanh tại các địa bàn trọng điểm để phát triển kinh doanh dịch vụ EMS trong nước.

2.2. Thành lập Công ty EMS-Logistic trên cơ sở chuyển đổi mô hình Trung tâm Kinh doanh Logistics sang mô hình đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập để phát triển kinh doanh các dịch vụ Logistics: Forwarder, Lastmile, dịch vụ quản lý Kho hàng và hoàn tất đơn hàng.

2.3. Bước đầu thành lập Trung tâm kinh doanh dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế trực thuộc Tổng công ty để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và phát triển kinh doanh các dịch vụ quốc tế như: dịch vụ EMS quốc tế, dịch vụ đại lý nước ngoài, dịch vụ TMĐT

chuyên biên giới... Bên cạnh đó, sẽ tiến hành khảo sát và thiết lập văn phòng đại diện của EMS Việt Nam tại một số thị trường trọng điểm như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ...

3. Định hướng tổ chức sản xuất

Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh nhằm chuẩn hóa và chuyên nghiệp tất cả các khâu và công đoạn cung cấp dịch vụ, song song với việc đầu tư hạ tầng mặt bằng và các trang thiết bị để nâng cao năng lực phục vụ mục tiêu tăng trưởng, tăng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ. Trong đó:

3.1. Đầu tư hạ tầng mặt bằng và các trang thiết bị cho các Bureau khách hàng lớn sử dụng dịch vụ EMS và các service center phục vụ khách hàng Logistics để phát triển kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh EMS và dịch vụ Logistics.

3.2. Thành lập thêm các Hub khai thác EMS tại một số tỉnh/TP để giảm áp lực tại các Hub khai thác vùng hiện có và rút ngắn chỉ tiêu toàn trình, tăng tỷ lệ khớp nối của dịch vụ EMS; Đầu tư hệ thống dây chuyền chia chọn tự động và mở rộng diện tích các Hub khai thác vùng để nâng cao năng lực phục vụ, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng.

3.3. Triển khai thêm bộ phận KT EMS quốc tế tại Đà Nẵng để rút ngắn chỉ tiêu thời gian bưu gửi đi quốc tế; mở rộng quan hệ hợp tác các đối tác chuyển phát quốc tế để phát triển kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đi quốc tế, giảm sự phụ thuộc vào Bureau chính các nước; Triển khai phương án mở văn phòng đại diện của EMS Việt Nam tại các thị trường trọng điểm như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ để nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển kinh doanh dịch vụ quốc tế.

3.4. Quy hoạch lại mạng vận chuyển theo định hướng đầu tư phương tiện vận chuyển đáp ứng ít nhất 30% nhu cầu vận chuyển trên mạng vận chuyển đường trực và đường thư cấp 1 phục vụ phát triển kinh doanh dịch vụ EMS và dịch vụ Logistics, giảm sự phụ thuộc vào đường xe chuyên ngành và các đối tác vận chuyển bên ngoài; Bên cạnh đó, duy trì quan hệ hợp tác chiến lược với Tổng công ty Hàng không Việt Nam và các đối tác cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng không trong nước, quốc tế khác để đảm bảo tải bay phục vụ nhu cầu phát triển kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước, quốc tế.

3.5. Áp dụng cơ chế thanh toán theo chất lượng đối với khâu phát bưu gửi EMS tại địa bàn các BDT/TP; tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng công đoạn phát dịch vụ EMS.

II. KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Tổng doanh thu đến năm 2025 đạt **6,200 tỷ đồng**, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn là 24.3%/năm.

- Tổng lợi nhuận trước thuế đến năm 2025 đạt **110 tỷ đồng**, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn là 10%/năm.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đến năm 2025 là 29.1%, bình quân giai

đoạn là 28.7%

- Tỷ lệ cổ tức bình quân năm: 10%.

2. Giải pháp

2.1. Hạ tầng cơ sở vật chất

Để có thể đáp ứng được tốc độ tăng trưởng quy mô doanh thu giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty EMS dự kiến tập trung nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng mặt bằng (trụ sở, chi nhánh, kho bãi, trung tâm khai thác....); đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; mua sắm các trang thiết bị để từng bước hiện đại hóa quy trình sản xuất, đầu tư phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của các dịch vụ trụ cột. Trong đó ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư các dự án lớn sau:

- Về mặt bằng sản xuất: tập trung tìm kiếm, mua mặt bằng quy hoạch mặt bằng Hub khai thác vùng tại TP. HCM để đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ EMS; tìm kiếm thuê, mua mặt bằng đầu tư hạ tầng hệ thống kho, bãi để phát triển kinh doanh dịch vụ Logistics và mặt bằng quy hoạch các Hub khai thác vùng tại một số địa bàn trọng điểm để tăng năng lực phục vụ, giảm tải cho các Hub vùng tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP. HCM.

- Đầu tư trang thiết bị để tăng năng lực phục vụ đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, nâng cao NSLĐ và chất lượng dịch vụ: đầu tư dây chuyền chia chọn tại các Hub khai thác vùng; các trang thiết bị tự động, bán tự động tại các Bru cục phục vụ KHL dịch vụ EMS; trang thiết bị, công cụ tại các service center phục vụ khách hàng sử dụng dịch vụ LML.

- Đầu tư phương tiện vận chuyển để nâng cao năng lực mạng vận chuyển đường trực đáp ứng nhu cầu tăng trưởng dịch vụ EMS và dịch vụ FWD.

- Đầu tư phát triển hạ tầng CNTT theo chiến lược chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty trong kỷ nguyên số và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

- Đầu tư hạ tầng mặt bằng và các trang thiết bị phục vụ yêu cầu mở rộng địa bàn kinh doanh theo định hướng thành lập các Chi nhánh của Tổng công ty EMS tại một số địa bàn trọng điểm, thành lập Công ty KD dịch vụ Logistics.

2.2. Mạng lưới cung cấp dịch vụ

- Bên cạnh việc khai thác tối đa lợi thế về quy mô mạng Bru chính cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh của Tổng công ty Bru điện Việt Nam, Tổng công ty EMS từng bước sẽ mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ tại một số địa bàn trọng điểm để tăng năng lực cạnh tranh.

- Đối với mạng lưới dịch vụ quốc tế, Tổng công ty định hướng mở rộng mạng lưới thông qua việc tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác với Bru chính các nước, hợp tác với các công ty chuyển phát nhanh quốc tế ngoài bru chính, thiết lập đầu mối và Văn phòng đại diện tại nước ngoài.

2.3. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Kỷ nguyên số và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên qui mô toàn cầu và tác động trực tiếp tới nền kinh tế Việt Nam, trong đó các doanh nghiệp là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp. Để cập nhật kịp thời xu hướng công nghệ và phát triển kinh doanh trong kỷ nguyên số, Tổng công ty EMS dự kiến xây dựng chiến lược chuyển đổi số và kiến trúc CNTT tổng thể theo định hướng sau:

a) Chiến lược chuyển đổi số

Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, khung kiến trúc tổng thể về nghiệp vụ, ứng dụng, dữ liệu, công nghệ và an toàn thông tin; Hoạch định lộ trình triển khai và quản trị thực hiện theo lộ trình song song với việc quản trị thay đổi và quản lý các yêu cầu; nắm bắt kịp thời và ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới (tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn...) vào hoạt động sxkd nhằm tăng năng suất, chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng.

b) Xây dựng kiến trúc CNTT tổng thể của Tổng công ty theo định hướng:

- Có tầm nhìn dài hạn về đầu tư hạ tầng CNTT, xây dựng quy hoạch kiến trúc hạ tầng CNTT gắn với các mục tiêu chiến lược của Tổng công ty. Triển khai hệ thống đồng bộ, tối ưu, hạn chế trùng lặp để tiết kiệm chi phí và thời gian. Ứng dụng và khai thác thông tin hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh cho Tổng công ty.

- Ứng dụng CNTT triệt để trong các công đoạn cung cấp dịch vụ. Phát triển hệ thống CNTT đồng bộ với hệ thống CNTT của Tổng công ty BĐVN trên cơ sở đề xuất với Tổng công ty BĐVN cho phép tham gia vào các dự án phát triển hạ tầng CNTT lớn của TCTY để tiết kiệm chi phí đầu tư, rút ngắn thời triển khai và tối ưu hóa nguồn lực CNTT trên toàn mạng lưới.

- Đầu tư vào hạ tầng CNTT mạnh đủ để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh mới, tập trung hóa dữ liệu và chú trọng vào công tác an toàn thông tin.

- Đầu tư vào nguồn nhân lực CNTT: tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn, ưu tiên nhân tố mới với tư duy và tầm nhìn đột phá về CNTT để phụ trách lĩnh vực CNTT của Tổng công ty; nâng cao nhận thức và hiểu biết của đội ngũ cán bộ quản lý Tổng công ty thông qua các khóa đào tạo bổ sung kiến thức mới về CNTT; Đồng thời, liên kết và hợp tác với các đối tác có thế mạnh về CNTT để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số.

c) Tổ chức bộ máy liên quan đến lĩnh vực CNTT:

Tổ chức các bộ phận quản lý chuyên sâu từng lĩnh vực nhằm triển khai có hiệu quả chiến lược chuyển đổi số tại Tổng Công ty:

- Thành lập Ban nghiên cứu ứng dụng và phát triển dịch vụ mới: chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng CNTT của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025; phát triển các ứng dụng công nghệ mới phục vụ nhu cầu phát triển kinh doanh và triển khai các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025. Ban nghiên cứu ứng dụng và phát triển dịch vụ mới có trách nhiệm phối hợp với TT CNTT để triển khai ứng dụng mới đảm bảo quy hoạch hệ thống chung. Sau khi triển khai

ứng dụng thực tế trên diện rộng cần chuyển giao công tác quản trị và vận hành cho Trung tâm CNTT.

- Thành lập Trung tâm CNTT: Chịu trách nhiệm chính trong việc quản trị, vận hành hệ thống CNTT hiện hành. Nâng cấp các ứng dụng CNTT hiện hành để đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Chịu trách nhiệm về các hoạt động ANTT, an toàn dữ liệu và phát triển nguồn nhân lực CNTT. Quy hoạch hệ thống CNTT để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Thành lập Trung tâm/Ban kỹ thuật và công nghệ: Chịu trách nhiệm chính trong việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ và các trang thiết bị tiên tiến để hiện đại hóa các công đoạn cung cấp dịch vụ của Tổng công ty (không bao gồm các trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số và ứng dụng CNTT như máy chủ, đường truyền mạng, ...).

2.4. Nguồn nhân lực

Chiến lược và giải pháp phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty EMS giai đoạn 2021-2025 tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

a) Ổn định và phát triển nguồn nhân lực hiện có thông qua các giải pháp:

- Hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, đảm bảo nguyên tắc công bằng cho CBCNV về cơ hội thăng tiến; xây dựng và áp dụng cơ chế trả lương theo sản phẩm; trả lương theo kết quả đánh giá chỉ tiêu KPI hàng tháng để khuyến khích CBCNV tăng NSLĐ và hiệu quả công việc, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong từng vị trí công việc để CBCNV có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân;

- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ nhân viên; thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý để tạo điều kiện gắn bó lâu dài của CBCNV với Tổng công ty; tạo ra môi trường làm việc năng động, tích cực, thân thiện, giúp CBCNV cân bằng giữa công việc và cuộc sống;

- Duy trì chương trình thi đua khen thưởng hàng năm; chương trình thi đua mà phần thưởng là các chuyến tham quan du lịch để tạo động lực cho CBCNV; đẩy mạnh các phong trào văn hóa thể thao nhân dịp các ngày: thành lập Đoàn TNCS HCM, thành lập ngành hoặc thành lập TCTY; tham gia phong trào VHMT do Tổng công ty BĐVN tổ chức để CBCNV có cơ hội giao lưu học hỏi, vui chơi giải trí để động viên tinh thần CBCNV hăng say làm việc, gắn bó lâu dài vì sự phát triển của Tổng công ty.

b) Thực hiện chính sách tuyển dụng lao động, thu hút nhân tài thông qua các giải pháp:

- Xây dựng cơ chế đãi ngộ về tiền lương, chế độ phúc lợi hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn lực có chất lượng cao, có tư duy đột phá từ bên ngoài để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển sxkd trong kỷ nguyên số và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

- Liên kết với các trường đại học hàng đầu và các công ty cung cấp nhân sự để có sẵn nguồn ứng viên là sinh viên mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn nhân lực

trẻ năng động, đáp ứng sự phát triển lâu dài của Tổng công ty. Áp dụng xu hướng công nghệ trong công tác tuyển dụng như liên kết với các mạng xã hội: Facebook, LinkedIn, Twister...

- Sàng lọc kỹ nguồn lao động đầu vào để đảm bảo tuyển dụng được những nhân viên thật sự có khả năng, tâm huyết với công việc, nhiệt tình và sáng tạo, có hướng gắn bó lâu dài.

c) *Xây dựng chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực* gắn với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025. Theo đó chính sách đào tạo của Tổng công ty cần đảm bảo các nguyên tắc và yêu cầu sau:

- Tạo điều kiện cho nhân viên các cơ hội học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thông qua các chương trình, nội dung đào tạo đa dạng, các hình thức đào tạo linh hoạt, các phương thức hỗ trợ phù hợp... nhằm đảm bảo nhân viên đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao, hoàn thiện cho kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình và góp phần xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh của Tổng công ty;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ trong quy hoạch để nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ kế cận thông qua việc cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức tài chính, quản trị cho các cấp quản lý; đào tạo Thạc sỹ và các lớp đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên sâu thuộc các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty; các lớp đào tạo kỹ năng mềm cho đội ngũ cán bộ, nhân viên...

- Từng bước ứng dụng công nghệ vào công tác đào tạo nội bộ của Tổng công ty; xây dựng thư viện bài giảng và các khóa học trực tuyến; nghiên cứu và áp dụng các mô hình đánh giá kết quả sau các khóa đào tạo cho các chức danh khối chức năng và sản xuất của Tổng công ty.

d) *Văn hóa Doanh nghiệp - Môi trường làm việc:*

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của EMS Việt Nam trên cơ sở phát triển Văn hóa doanh nghiệp Bưu điện Việt Nam tại Tổng công ty EMS. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp EMS Việt Nam trọng tâm là đầu tư vào con người, với mục tiêu là xây dựng đội ngũ cán bộ có tầm nhìn và năng lực lãnh đạo; đội ngũ CBCNV, người lao động trung thành, tận tụy vì sứ mệnh của doanh nghiệp, tạo nên giá trị cốt lõi và sức mạnh để EMS Việt Nam phát triển bền vững.

- Xây dựng môi trường làm việc thu hút người lao động với chính sách tiền lương, phúc lợi hấp dẫn. Tạo điều kiện cho nhân viên được phát huy năng lực, cơ hội được đào tạo và thăng tiến với văn hóa làm việc cởi mở, năng động và các quyền lợi của người lao động được đảm bảo.

2.5. Nguồn vốn

Để đáp ứng nhu cầu đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty EMS xây dựng lộ trình tăng vốn phù hợp để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. Theo đó, lộ trình tăng vốn được thực hiện theo nguyên tắc “không huy động vốn góp bằng tiền của các cổ đông”; số vốn tăng thêm được huy động từ các nguồn sau:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế hàng năm.

- Chia cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu hiện có (cụ thể là quỹ đầu tư phát triển được tích lũy hàng năm từ lợi nhuận sau thuế).

Theo nguyên tắc tăng vốn nói trên, Tổng công ty EMS dự kiến đến năm 2025 vốn điều lệ của Tổng công ty EMS tăng lên mức 280 tỷ đồng.

Trên đây là nội dung báo cáo của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần về định hướng phát triển và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020,

Ban Kiểm soát (BKS) Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1.1. Nhân sự

Ban Kiểm soát Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty) có 03 thành viên gồm 01 chuyên trách và 02 kiêm nhiệm.

1.2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết của HĐQT, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đã tổ chức 03 cuộc họp trong năm để lấy ý kiến của các thành viên thông qua các nội dung văn bản trước khi ban hành.

Nội dung lần họp thứ nhất: Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020 của Tổng công ty.

Nội dung lần họp thứ hai: Thẩm định báo cáo tài chính 9 tháng năm 2020 của Tổng công ty.

Nội dung lần họp thứ ba: Thông qua báo cáo thẩm định BCTC năm 2020, báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

1.3. Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quy chế, tập trung kiểm tra giám sát các mặt hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán, phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh, giám sát công tác sổ sách, chứng từ kế toán;
- Xem xét tính phù hợp, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong công tác quản lý điều hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng giám đốc lập: Kiểm tra báo cáo tài chính quý, bán niên nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính; giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán viên đưa ra;
- Tham dự các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị;
- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành Tổng công ty của HĐQT, Ban Tổng giám đốc;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, các quyết định của Ban Tổng giám đốc ;
- Giám sát tính tuân thủ quy trình, quy chế quản trị nội bộ;
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Tổng công ty theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý; điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2020;
- Giám sát các hoạt động đầu tư, quản lý và sử dụng vốn;
- Tham gia cùng đoàn công tác của Tổng công ty thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động SXKD tại các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- Thông qua Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Lập các báo cáo theo quy định;
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Kết quả kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2020 đã tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Tổng công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

2.1. Đối với Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm 05 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu. Các thành viên của HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời. Năm 2020 Tổng công ty có 10 phiên họp HĐQT (03 phiên trực tiếp, 07 phiên lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản). Năm 2020 HĐQT đã ban hành 10 Nghị quyết, 12 Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Trong năm 2020, HĐQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hàng quý HĐQT họp theo định kỳ, kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác quý trước và đề ra chương trình công tác quý sau. Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong biên bản cuộc họp.

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao cho Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT luôn kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện.

2.2. Đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của HĐQT về công tác điều hành SXKD, phát triển doanh nghiệp. Ban Tổng giám đốc luôn có những chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Ban Tổng giám đốc thường xuyên họp thống nhất phân công, chỉ đạo các phòng ban chức năng, các đơn vị triển khai thực hiện cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Ban Tổng giám đốc đã đánh giá những nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức; đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty. Thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn, đặc biệt là các giải pháp điều hành sxkd trong những thời điểm dịch bệnh covid 19 diễn ra nghiêm trọng trong năm 2020; Thực hiện giải pháp đột phá về công tác quản lý cán bộ, tiền lương, tiền thưởng và mô hình quản trị của Tổng công ty để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các đơn vị; huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực về vốn, tài sản và lao động, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý giúp tiết giảm, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Đã điều hành, dẫn dắt Tổng công ty hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chủ yếu của năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty. Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại các Chi nhánh cũng như tại bộ máy điều hành của Tổng công ty để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật cũng như các quy chế quản lý của Tổng công ty.

4. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

4.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ 2020/2019 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.802,398	1.912.126	106,09%
1.1	Doanh thu dịch vụ chuyển phát nhanh	1.799.344	1.910.023	106,15%
1.2	Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải	3.053	2.103	68,87%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	0,00%
3	Doanh thu thuần	1.802.398	1.912.126	106,09%
4	Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.526.372	1.599.457	104,79%
4.1	Giá vốn dịch vụ chuyển phát nhanh	1.525.063	1.597.342	104,74%
4.2	Giá vốn cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải	1.309	2.115	161,64%
5	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	276.026	312.669	113,28%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.132	4.399	206,33%
7	Chi phí tài chính	1.111	1.661	149,54%
8	Chi phí bán hàng	45.605	65.605	281,53%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	165.413	178.779	95,24%
10	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	66.029	71.023	107,56%
11	Lợi nhuận khác	579	435	75,20%
12	Tổng lợi nhuận trước thuế đạt	66.608	71.458	107,28%
13	Lợi nhuận sau thuế	53.232	56.992	107,06%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020

*** Đánh giá kết quả sxkd năm 2020:**

- Với sự tăng trưởng về doanh thu cung cấp dịch vụ và sự kiểm soát hiệu quả giá vốn cung cấp dịch vụ năm 2020 đã giúp lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ của Tổng công ty năm 2020 tăng 13,28% so với năm 2019.

- Lợi nhuận về hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt 71,023 tỷ đồng tăng 7,56% so với năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 71,458 tỷ đồng tăng 7,28% so với năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 56,992 tỷ đồng tăng 7,06% so với lợi nhuận sau thuế năm 2019.

4.2. Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
- Tổng tài sản	598.954	663.202
Trong đó:		
+ Tiền và tương đương tiền	84.777	166.741
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.641	8.418
+ Phải thu ngắn hạn	375.689	383.784
+ Hàng tồn kho	2.868	2.231
+ Tài sản ngắn hạn khác	21.747	9.594
+ Phải thu dài hạn	18.642	12.658
+ Tài sản cố định	76.709	70.696
+ Tài sản dở dang dài hạn	5.142	5.186
+ Đầu tư tài chính dài hạn	1.130	162
+ Tài sản dài hạn khác	5.609	3.731
- Tổng nguồn vốn	598.954	663.202
Trong đó:		
+ Nợ ngắn hạn	374.185	429.544
+ Nợ dài hạn	0	0
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	224.769	233.658

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020

Số liệu trên báo cáo cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Tổng công ty.

4.3 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/TH2019
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	154.460	132.830	86,0%
2	Chi phí nhân công	364.817	391.154	107,2%

3	Chi phí khấu hao TSCĐ	18.222	20.878	114,6%
4	Thuế phí, lệ phí	3.857	3.831	99,3%
5	Chi phí dự phòng	33	4.205	12.758,5%
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.060.995	1.138.314	107,3%
7	Chi phí bằng tiền khác	135.007	152.630	113,1%
	Tổng cộng	1.737.390	1.843.841	106,1%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 phù hợp với thực tế kinh doanh của Tổng công ty.

4.4 Tình hình sử dụng vốn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tại thời điểm 31/12/2019	Số tại thời điểm 31/12/2020
I	Vốn chủ sở hữu	224.769	233.658
1	Vốn cổ phần	91.591	150.005
2	Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
4	Quỹ đầu tư phát triển	76.897	26.661
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	56.281	56.992
II	Sử dụng vốn	224.769	233.658
1	TSCĐ	76.709	70.696
2	Đầu tư XDCB dở dang	5.142	5.186
3	Đầu tư tài chính dài hạn	1.130	162
4	Tài sản dài hạn khác	5.609	3.731
5	Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.641	8.418
6	Các khoản phải thu dài hạn	18.642	12.658
7	Vốn lưu động	110.896	132.807

Tổng công ty đã quản lý sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả.

4.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

TT	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,314	1,329
1.2	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,306	1,324
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,62	0,65
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,66	1,84
3	3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân):	vòng	758	627
3.2	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	3,11	3,03
4	4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,0%	3,0%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	31,6%	24,4%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,9%	8,6%
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	3,7%	3,7%

Các chỉ số tài chính đảm bảo mức an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 15.000.478 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 15.000.478 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 15.000.478 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu, vốn góp cổ đông tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
Phân theo tỷ lệ sở hữu				
1	Cổ đông lớn	13.854.354	138.543.542.374	92,36
2	Cổ đông nhỏ	1.146.124	11.461.240.000	7,64
Tổng		15.000.478	150.004.782.374	100,00
Phân theo cơ cấu nội bộ				

1	Cổ đông tổ chức	13.854.354	138.543.542.374	92,36
2	Cổ đông cá nhân	1.146.124	11.461.240.000	7,64
Tổng		15.000.478	150.004.782.374	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm

Trong năm 2020, Tổng công ty thực hiện tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn thực góp tại ngày 31/12/2020 theo BCTC đã được kiểm toán năm 2020 là: **150.004.782.374** đồng

4.7. Đánh giá công tác điều hành và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Hoạt động quản lý điều hành

- Năm 2020, Tổng công ty đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các mục tiêu kế hoạch trong tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Rà soát, sắp xếp hợp lý hóa tổ chức sản xuất theo hướng khoa học, hiệu quả nhằm nâng cao năng suất lao động, đáp ứng các yêu cầu cao hơn về quản lý, sản xuất kinh doanh trong điều kiện mới. Đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, có tính định hướng, chiến lược, giúp Tổng công ty có sự phát triển bền vững, hiệu quả. Triển khai các giải pháp đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ, tăng vai trò vị thế, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Triển khai các giải pháp đồng bộ để phát triển dịch vụ hậu cần TMĐT. Thực hiện tốt vai trò của chủ quản dịch vụ Chuyên phát nhanh trên mạng Bưu chính. Triển khai, bổ sung nhiều chương trình cơ chế hỗ trợ phát triển kinh doanh. Phối hợp tốt với các BĐT/TP trên mạng lưới, tạo điều kiện cho các đơn vị tham gia cung ứng dịch vụ. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành tập trung, triển khai các giải pháp thúc đẩy kinh doanh, phát triển thị trường, khách hàng.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Xây dựng và ban hành các Quy chế, quy định nội bộ của Tổng công tăng hiệu quả điều hành quản lý trong Tổng công ty. Triển khai và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện cơ chế và các chỉ tiêu kế hoạch, có nhiều giải pháp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng và kiện toàn mô hình tổ chức, kiện toàn nhân sự quản lý của Tổng công ty và các Ban chức năng, các đơn vị trực thuộc phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và chiến lược kinh doanh của Tổng công ty.

- Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ đặc biệt là các khóa đào tạo kỹ năng, các khóa đào tạo về kinh doanh và nghiệp vụ cho quản lý và CBCNV tại các đơn vị thuộc Tổng công ty để nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng dịch vụ.

b) Kết quả SXKD năm 2020:

- Tổng doanh thu đạt 1.917,24 tỷ đồng, đạt 93,07% so với kế hoạch năm 2020, tăng 6,20% so với năm 2019.

- Lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế đạt 71,458 tỷ đồng, đạt 107,13% so với kế hoạch và tăng 7,28% so với năm 2019.

- Nộp Ngân sách: 92,556 tỷ đồng.

c) Đánh giá về công tác TCKT:

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty, Ban Kiểm soát ghi nhận kết quả cụ thể như sau:

- Hoạt động đầu tư, mua sắm trang thiết bị, quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, hồ sơ chứng từ thanh toán đầy đủ, đúng quy định.

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống thông tin kế toán và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với quy định hiện hành.

- Chứng từ kế toán được sắp xếp gọn gàng, khoa học đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát, biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng quy định.

- Ban Kiểm soát đánh giá Tổng công ty đã thực hiện việc tổ chức công tác kế toán mở sổ sách kế toán theo đúng quy định. Báo cáo tài chính được lập vào ngày 12/03/2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2020 được soát xét và kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán VACO với ý kiến chấp nhận toàn phần.

5. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

5.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020		TH/KH (%)
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	150.004	150.004	100,00%
2	Tổng doanh thu	2.060.000	1.917.236	93,07%
3	Lợi nhuận trước thuế	66.700	71.458	107,13%
4	Lợi nhuận sau thuế	53.300	56.992	106,93%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Trong năm 2020 Tổng công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch về các chỉ tiêu lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 vượt 6,93% so với kế hoạch đặt ra.

5.2. Các nội dung khác:

Các nội dung khác được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã được Tổng công ty thực hiện đúng quy định:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức;

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020;

- Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2019;
- Phương án tăng vốn Điều lệ được HĐQT, Ban điều hành triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Công bố thông tin và báo cáo các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông:

- Các thông tin cơ bản về tình hình Tổng công ty được công bố theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tới nay, BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của cổ đông liên quan đến các vấn đề của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, hoạt động kinh doanh và các vấn đề khác của Tổng công ty.

7. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS và kiểm soát viên

- Trên cơ sở Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của BKS, các Kiểm soát viên đã chủ động tích cực trong các hoạt động chuyên môn, duy trì tốt chế độ công tác, nội quy và các quy định nội bộ của Tổng công ty.
- Phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các Ban và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Đánh giá chung: năm 2020 Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

8. Thù lao của Ban Kiểm soát

Theo Tờ trình thông qua mức thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020 và dự kiến mức thù lao năm 2021 trình ĐHĐCĐ.

9. Kết luận

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh; Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông.

Trong quá trình kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Ban Kiểm soát không phát hiện được sai phạm nào của Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc làm phương hại đến quyền lợi của Tổng công ty cũng như của Cổ đông.

PHẦN II - KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông, định hướng trong năm 2021 Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục:

- Thực hiện công tác giám sát HĐQT đối với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, việc tổ chức họp và ra Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Thực hiện công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của HĐQT và hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- Giám sát hiệu lực và sự tuân thủ các quy trình, quy định, quy chế quản trị nội bộ.
- Giám sát tình hình thực hiện đầu tư, quản lý và sử dụng vốn.
- Thực hiện giám sát toàn bộ tình hình tài chính thông qua thẩm định, phân tích BCTC, kiểm tra sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán.
- Các công tác giám sát khác: Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc; Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán.

Trên đây là Báo cáo của Ban Kiểm soát Tổng công ty về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- HDQT,
- Lưu BKS, Tờ ký HDQT./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Tất Thành

Số:/TTTr-HĐQT.IV

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2020; Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2020 và mức thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS kế hoạch năm 2021

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty Cổ phần**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty cổ phần (Tổng công ty EMS) và Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2020 của Tổng công ty EMS,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2020 và mức thù lao, tiền lương HĐQT, BKS kế hoạch năm 2021 như sau:

1. Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2020

1.1. Một số chỉ tiêu chính trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020
1	Tổng tài sản	598,954	663,202
2	Vốn chủ sở hữu	224,769	233,658
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	91,591	150,005
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	76,897	26,661
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	56,281	56,992

1.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Cách tính	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % 2020/2019
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	(a)	1,802,398	1,912,126	106.09%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(b)	-	-	
3	Doanh thu thuần	(c=a-b)	1,802,398	1,912,126	106.09%

4	Giá vốn cung cấp dịch vụ	(d)	1,526,372	1,599,457	104.79%
5	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	(e=c-d)	276,026	312,669	113.28%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	(f)	2,132	4,399	206.32%
7	Chi phí tài chính	(g)	1,111	1,661	149.50%
8	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	(h)	211,018	244,384	115.81%
9	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	(i=e+f-g-h)	66,029	71,023	107.56%
10	Thu nhập khác	(k1)	805	711	88.38%
11	Chi phí khác	(k2)	226	276	122.26%
12	Lợi nhuận khác	(k=k1-k2)	579	435	75.20%
13	Tổng lợi nhuận trước thuế	(l=i+k)	66,608	71,458	107.28%
14	Thuế TNDN hiện hành	(m)	13,376	14,466	108.15%
15	Lợi nhuận sau thuế	(p=l-m)	53,232	56,992	107.06%

Chi tiết Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần đã được đăng tải trên website của Tổng công ty tại địa chỉ: ems.com.vn.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

2.1. Phương án đề xuất:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Công thức	Thuyết minh
1	Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020	71,458,118,106	(a)	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	14,465,852,690	(b)	
3	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020	56,992,265,416	(c=a-b)	
3.1	Trả thù lao cho HĐQT và BKS	781,073,280	(d)	Theo mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH
3.2	Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ 10%/cổ phần thực tế lưu hành (*)	15,000,470,000	(e) = 10% x 15,000,478 x 10,000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án trình ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua
3.3	Lợi nhuận còn lại	41,210,722,136	(f=c-d-e)	
a	Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,363,216,641	(g) = (3.3) x 30%	Trích tối đa 30% lợi nhuận còn lại theo Quy chế tài chính của Tổng công ty EMS
b	Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành tương đương 1.5 tháng lương bình quân thực hiện của cán bộ quản lý	550,013,125	(j) = 1.5 x tiền lương bình quân/tháng thực hiện của cán bộ quản lý	Trích theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Công thức	Thuyết minh
c	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương đương 1.01 tháng lương bình quân thực hiện của CBCNV	28,297,492,370	(i=f-g-j)	Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH cho phép trích tối đa 3 tháng lương thực hiện do lợi nhuận vượt kế hoạch

(*) Ghi chú: Tổng công ty EMS đề xuất ĐHĐCĐ thông qua nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) khi thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông theo hướng làm tròn xuống đến hàng đơn vị, toàn bộ phần thập phân sẽ bị hủy bỏ. Theo đó, số tiền chênh lệch tương ứng với số cổ phiếu bị hủy bỏ x (nhân) mệnh giá 10,000 đồng/cổ phiếu sẽ được để lại ở chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.2. Thuyết minh phương án đề xuất:

Do Lợi nhuận thực hiện năm 2020 của Tổng công ty EMS là 71,458 tỷ đồng, vượt 7.13% kế hoạch. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng công ty được trích quỹ thưởng của người quản lý và quỹ khen thưởng, phúc lợi của CBCNV như sau:

+ Trích quỹ thưởng của người quản lý công ty: tối đa không quá 1.5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động: tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

Tuy nhiên, để đảm bảo nguồn vốn phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty EMS đề xuất trích Quỹ đầu tư phát triển tối đa 30% lợi nhuận còn lại theo Quy chế tài chính hiện hành. Theo đó, số tiền còn lại sau khi trích quỹ đầu tư phát triển và trích 1.5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách vào quỹ thưởng của người quản lý sẽ được trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của CBCNV là 28.2 tỷ đồng, tương đương 1.01 tháng lương bình quân thực hiện của CBCNV, thấp hơn mức 3 tháng lương theo quy định nêu trên.

3. Thù lao, tiền lương HĐQT, BKS thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Căn cứ mức thù lao kế hoạch của HĐQT và BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua và quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH, HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt quyết toán thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

- Thù lao của HĐQT và BKS (không bao gồm Trưởng BKS chuyên trách) thực hiện năm 2020 là 781,073,280 đồng.

- Thù lao của HĐQT và BKS (không bao gồm Trưởng BKS chuyên trách) kế hoạch năm 2021 là 673,920,000 đồng.

- Mức lương kế hoạch năm 2021 của Trưởng BKS chuyên trách: giữ nguyên theo quy định hiện hành, bằng 2.5 lần tiền lương bình quân kế hoạch của CBCNV là 37,000,000 đồng/tháng (tiền lương bình quân KH năm 2021 là 14,800,000 đồng/người/tháng).

Chi tiết như sau:

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2020		Thực hiện năm 2020		Đề xuất KH năm 2021	
		Số lượng (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)	Số lượng (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)	Số lượng (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)
I	Thù lao của cán bộ kiêm nhiệm	673,920,000		781,073,280		673,920,000	
1	Chủ tịch HĐQT	1	11,880,000	1	13,768,920	1	11,880,000
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	9,720,000	3	11,265,480	3	9,720,000
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7,560,000	2	8,762,040	2	7,560,000
II	Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách	1	34,750,000	1	36,250,000	1	37,000,000

Ghi chú:

- Thù lao HĐQT và BKS thực hiện năm 2020 vượt kế hoạch là do lợi nhuận thực hiện năm 2020 đạt 71.4 tỷ đồng, vượt 7.13% kế hoạch nên thù lao được quyết toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH. Theo đó thù lao của người quản lý không chuyên trách được xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách.

- Hệ số phân bổ tiền thù lao cho các chức danh thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 được giữ nguyên theo hệ số áp dụng khi xây dựng kế hoạch thù lao năm 2020 như sau:

- + Chủ tịch HĐQT: hệ số 1.1;
- + Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: hệ số 0.9;
- + Ủy viên BKS kiêm nhiệm: hệ số 0.7.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu HĐQT.

Chu Thị Lan Hương

Số:/TTTr-HĐQT.IV

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn để làm tròn vốn góp của các cổ đông; phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Tổng Công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện - Công ty Cổ phần

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty EMS thông qua ngày 26/04/2018,

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo tình hình thực hiện đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn để làm tròn vốn góp của các cổ đông; phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2021 như sau:

1. Báo cáo tình hình thực hiện đợt phát hành tăng vốn cổ phần theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

Thực hiện nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, ngày 28/09/2020, HĐQT đã có Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT.IV về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, Tổng công ty EMS đã triển khai thực hiện các thủ tục tăng vốn theo quy định và theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Ngày 18/02/2021, Tổng công ty EMS đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần 2 do VSD cung cấp cho số lượng cổ phiếu phát hành thêm. Theo đó, tổng số cổ phiếu phát hành thêm là **5,841,353 cổ phiếu**, tương đương với giá trị vốn cổ phần tăng thêm là **58,413,530,000 đồng**; ít hơn 336 cổ phiếu, tương đương với số tiền là 3,360,000 đồng so với phương án đã được ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua do việc xử lý cổ phiếu lẻ khi phân bổ số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu.

Ngày 24/02/2021, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã có quyết định số 49/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty EMS và đến ngày 12/03/2021, số lượng cổ phiếu phát hành thêm của Tổng công ty EMS đã được giao dịch chính thức trên sàn chứng khoán Upcom.

Sau đợt phát hành tăng vốn nói trên, tính đến thời điểm hiện nay, tổng số cổ phiếu đã phát hành của Tổng công ty EMS là **15,000,478 cổ phiếu** và vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty EMS sau khi tăng là **150,004,782,374 đồng**.

Tuy nhiên, hiện nay việc thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) sau khi tăng vốn của Tổng công ty EMS vẫn chưa thực hiện được do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở KHĐT Hà Nội không chấp nhận hồ sơ đăng ký của Tổng công ty EMS với lý do là số vốn thực góp của cổ đông chênh lệch với số vốn điều lệ dự kiến đăng ký trên GCNĐKDN và chênh lệch với tổng giá trị của số cổ phiếu đang lưu hành thực tế; đồng thời số cổ phiếu thực tế đang lưu hành chênh lệch với tổng số cổ phần dự kiến đăng ký trên GCNĐKDN.

Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại thời điểm hiện nay như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Cổ đông	Trước khi tăng vốn			Vốn góp bổ sung	Sau khi tăng vốn		
		Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp	Chênh lệch giữa vốn thực góp và vốn điều lệ đăng ký		Vốn điều lệ dự kiến đăng ký	Vốn thực góp	Chênh lệch giữa vốn thực góp và vốn điều lệ dự kiến đăng ký
1	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (*)	77,059,610,000	77,059,591,601	(18,399)	49,148,600,000	126,208,210,000	126,208,191,601	(18,399)
2	Công ty cổ phần Hacisco	7,531,670,000	7,531,660,773	(9,227)	4,803,690,000	12,335,360,000	12,335,350,773	(9,227)
3	Các cổ đông khác	7,000,000,000	7,000,000,000	-	4,461,240,000	11,461,240,000	11,461,240,000	-
	Tổng cộng	91,591,280,000	91,591,252,374	(27,626)	58,413,530,000	150,004,810,000	150,004,782,374	(27,626)

(*) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam nhận chuyển giao vốn góp từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và nhận chuyển nhượng vốn góp từ Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

2. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn để làm tròn vốn góp của các cổ đông

Số liệu chi tiết về vốn góp của các cổ đông nêu trên cho thấy trước khi Tổng công ty EMS thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, vốn thực góp của Tổng công ty EMS là số lẻ đến đơn vị đồng, không chia hết cho mệnh giá là 10,000 đồng/cổ phần.

Vì vậy, để phù hợp với quy định về mệnh giá cổ phiếu/cổ phần trong lĩnh vực chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty EMS và đảm bảo thông tin vốn điều lệ trên GCNĐKDN phù hợp với vốn thực góp, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng

vốn để làm tròn vốn góp lẻ của các cổ đông bằng cách trích từ nguồn vốn chủ sở hữu (cụ thể là trích từ quỹ đầu tư phát triển (ĐTPT)) của Tổng công ty EMS. Số tiền trích từ nguồn vốn chủ sở hữu để làm tròn vốn góp cho các cổ đông và số cổ phiếu trước và sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn dự kiến như sau:

TT	Cổ đông	Vốn điều lệ thực góp (đồng)	Số cổ phiếu đang lưu hành (1)	Trích quỹ ĐTPT bổ sung vốn góp cho các cổ đông (đồng)	Vốn góp của các cổ đông sau khi bổ sung (đồng)	Số cổ phiếu sau khi làm tròn vốn góp của cổ đông (2)	Số cổ phiếu phát hành thêm [(2) - (1)] (cổ phiếu)
1	Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	126,208,191,601	12,620,819	18,399	126,208,210,000	12,620,821	2
2	Công ty cổ phần Hacisco	12,335,350,773	1,233,535	9,227	12,335,360,000	1,233,536	1
3	Cổ đông khác	11,461,240,000	1,146,124	-	11,461,240,000	1,146,124	-
	Tổng cộng	150,004,782,374	15,000,478	27,626	150,004,810,000	15,000,481	3

Theo nội dung đề xuất trên, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu để làm tròn vốn góp của các cổ đông cụ thể như sau:

2.1. Thông tin cổ phiếu phát hành

- **Cổ phiếu phát hành:** Cổ phiếu Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10,000 đồng/cổ phiếu.
- **Đối tượng phát hành:** là hai cổ đông của Tổng công ty EMS có số vốn thực góp lẻ đến đơn vị đồng nêu trên, cụ thể:
 - + Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam;
 - + Công ty cổ phần Hacisco.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 03 cổ phiếu (Ba cổ phiếu), trong đó:
 - + Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam: 02 cổ phiếu;
 - + Công ty cổ phần Hacisco: 01 cổ phiếu.
- **Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:** 30,000 đồng (Ba mươi nghìn đồng).
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu.
- **Nguồn vốn thực hiện:** Được lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu (từ quỹ đầu tư phát triển) căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tổng công ty EMS với số tiền là 27,626 đồng. Số tiền còn lại là 2,374 đồng chính là phần vốn góp lẻ so với mệnh giá cổ phiếu của hai cổ đông. Số tiền được trích từ quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn góp lẻ cho hai cổ đông này sẽ không thay đổi nếu như Tổng công ty EMS thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2021 trước khi thực hiện làm tròn phần vốn góp của các cổ đông.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian phù hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành.

- **Đăng ký bổ sung cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- **Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký giao dịch bổ sung trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UpCom) vào thời điểm thích hợp theo lựa chọn của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật về chứng khoán.

2.2. Các nội dung ủy quyền

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời được phép chủ động điều chỉnh chi tiết phương án và hồ sơ phát hành có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn thời điểm, phương thức thích hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật hiện hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ của Tổng công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký bổ sung cổ phiếu và thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Các công việc khác có liên quan.

3. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

3.1. Thông tin cổ phiếu phát hành

- **Cổ phiếu phát hành:** Cổ phiếu Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10,000 đồng/cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 1,500,047 cổ phiếu (Một triệu, năm trăm nghìn, không trăm bốn mươi bảy cổ phiếu).
- **Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:** 15,000,470,000 đồng (Mười lăm tỷ, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.

- **Nguồn vốn thực hiện:** Nguồn thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tổng công ty.
- **Tỷ lệ thực hiện:** Tỷ lệ thực hiện được tính theo tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu đang lưu hành/số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành. Tỷ lệ thực hiện cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm triển khai phương án phát hành.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian phù hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
- **Đăng ký bổ sung cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- **Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UpCom) vào thời điểm thích hợp theo lựa chọn của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật về chứng khoán.

3.2. Các nội dung ủy quyền

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời được phép chủ động điều chỉnh chi tiết phương án và hồ sơ phát hành có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn thời điểm, phương thức thích hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật hiện hành;
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ của Tổng công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký bổ sung cổ phiếu và thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Các công việc khác có liên quan.

4. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

4.1. Thông tin cổ phiếu phát hành

- **Cổ phiếu phát hành:** Cổ phiếu Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10,000 đồng/cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 1,500,047 cổ phiếu (Một triệu, năm trăm nghìn, không trăm bốn mươi bảy cổ phiếu).
- **Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:** 15,000,470,000 đồng (Mười lăm tỷ, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- **Nguồn vốn thực hiện:** Nguồn thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu (từ quỹ đầu tư phát triển) căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tổng công ty.
- **Tỷ lệ thực hiện:** Tỷ lệ thực hiện được tính theo tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu đang lưu hành/số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành. Tỷ lệ thực hiện cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm triển khai phương án phát hành.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian phù hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
- **Đăng ký bổ sung cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- **Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UpCom) vào thời điểm thích hợp theo lựa chọn của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật về chứng khoán.

4.2. Các nội dung ủy quyền

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời được phép chủ động điều chỉnh, chi tiết phương

án và hồ sơ phát hành có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan chức năng khác;

- Lựa chọn thời điểm, phương thức thích hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật hiện hành;
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ của Tổng công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký bổ sung cổ phiếu và thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Các công việc khác có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu HĐQT.

**TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Thị Lan Hương

Số:/TTTr-BKS

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – CTCP

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 26/04/2018,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty EMS) kính trình ĐHĐCĐ về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty như sau:

1. Lý do cần thay đổi địa chỉ trụ sở chính:

Được sự đồng ý của HĐQT, Tổng công ty EMS đã ký Hợp đồng thuê mặt bằng tại tầng 4 Tòa nhà FLC Landmark Tower, ngõ 5 Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội để bố trí mặt bằng làm việc cho Khối văn phòng Tổng công ty. Hiện nay, toàn bộ Khối văn phòng của Tổng công ty EMS đã được chuyển về địa điểm mới tại tầng 4 Tòa nhà FLC Landmark Tower nói trên.

Vì vậy để thuận tiện cho các giao dịch của Tổng công ty EMS, theo đề nghị của Ban Tổng giám đốc, HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty theo đề xuất tại điểm 2 dưới đây.

2. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

2.1. Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ cũ: Số 1, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ mới: Tòa nhà FLC Landmark Tower, ngõ 5 Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

2.2. Thông qua việc sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty EMS liên quan đến việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty EMS.

2.3. Thông qua việc uỷ quyền cho Tổng giám đốc – Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty EMS thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính trên Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, các giấy tờ liên quan theo quy định của Pháp luật và cập nhật nội dung liên quan đến việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính vào Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Thị Lan Hương

Số:/TTTr-HĐQT.IV

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty EMS thông qua ngày 26/04/2018;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty EMS thông qua ngày 26/04/2018;
- Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty EMS ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT.IV ngày 25/07/2017 của HĐQT Tổng công ty EMS,

Để hoạt động của Tổng công ty EMS tuân thủ, phù hợp với quy định tại các văn bản pháp luật mới về doanh nghiệp, về lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, cũng như đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty EMS, chi tiết Điều lệ Tổng công ty EMS sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này. Điều lệ Tổng công ty EMS được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS, chi tiết Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC; Dự thảo Điều lệ Tổng công ty EMS đính kèm

tờ trình này; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS, chi tiết Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC; Dự thảo Điều lệ Tổng công ty EMS và dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS đính kèm Tờ trình này; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định pháp luật có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Thị Lan Hương

**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

Năm 2021

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	21
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	31
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	31
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	32
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	32
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	34
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác	35
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 44. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan.....	35
Điều 45. Hạn chế giao dịch giữa Tổng công ty và các đối tượng khác	37
Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY.....	37
Điều 47. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 48. Công nhân viên và công đoàn.....	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	38
Điều 49. Phân phối lợi nhuận	38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 50. Tài khoản ngân hàng.....	39
Điều 51. Năm tài chính.....	39
Điều 52. Chế độ kế toán	39
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	39
Điều 54. Báo cáo thường niên	40
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY.....	40
Điều 55. Kiểm toán.....	40
XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY.....	40
Điều 56. Dấu của Tổng công ty	40
XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY.....	40
Điều 57. Giải thể Tổng công ty	40
Điều 58. Thanh lý	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 60. Điều lệ Tổng công ty.....	42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 61. Ngày hiệu lực	42

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện - Công ty cổ phần thông qua theo Nghị quyết số 18 /NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Tổng công ty* là Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần;
 - b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - g) *Ngày thành lập* là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - h) *Người điều hành Tổng công ty* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty;
 - i) *Người quản lý Tổng công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty
 - a) Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN
 - b) Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VN POST EXPRESS JOINT STOCK CORPORATION
 - c) Tên Tổng công ty viết tắt: VNPOST EXPRESS.,JSC
2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:
 - a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Ngõ 5, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
 - b) Điện thoại: (84-024) 3757 5577
 - c) Fax: (84-024) 3757 6144
 - d) Website: www.ems.com.vn
4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc của Tổng công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:
 - a) Chuyên phát

Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ chuyên phát nhanh trong nước và quốc tế gồm dịch vụ chuyên phát nhanh EMS, dịch vụ chuyển phát trong ngày, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng nặng, hàng cồng kềnh và các sản phẩm khác.

- b) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.
- c) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- d) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, y tế
- e) Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác;
- f) Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
- g) Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
- h) Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
- i) Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- j) Bưu chính
- k) Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
- l) Cho thuê ô tô
- m) Sửa chữa máy móc, thiết bị
- n) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- o) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông;
- p) Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- q) Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- r) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- s) Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- t) Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- u) Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)
- v) Dịch vụ ăn uống khác
- w) Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
- x) Hoạt động viễn thông khác

Chi tiết: Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông – Quản lý, vận hành, lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa và khai thác các thiết bị, phương tiện bưu chính, viễn thông;

y) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

z) Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet

Chi tiết: Thương mại điện tử;

aa) Xây dựng nhà ở

bb) Vận tải hành khách đường bộ khác

Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách khác bằng xe ô tô theo tuyến cố định

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

cc) Xây dựng nhà không để ở

dd) Xây dựng công trình đường sắt

ee) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh

ff) Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm

gg) Xây dựng công trình đường bộ

hh) Xây dựng công trình điện

ii) Xây dựng công trình cấp, thoát nước

jj) Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

kk) Xây dựng công trình công ích khác

ll) Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

mm) Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế, các dịch vụ khác và không ngừng phát triển, mở rộng các dịch vụ mới nhằm tối đa hóa nguồn lợi nhuận có thể có được của Tổng công ty; đảm bảo lợi ích của các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Tổng công ty; hoàn thành nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Đối với các ngành nghề đầu tư kinh

doanh có điều kiện, Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty:
 - a) Vốn thực góp của Tổng công ty là 150.004.782.374 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng không trăm lẻ bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng).
 - b) Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 150.004.780.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng không trăm lẻ bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).
 - c) Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 15.000.478 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Danh sách cổ đông sáng lập của Tổng công ty tại ngày Điều lệ này có hiệu lực như sau:

T T	Tên cổ đông sáng lập	Trụ sở chính	Đăng ký doanh nghiệp	Giá trị vốn góp (đồng)	Giá trị vốn góp/Vốn thực góp của Tổng công ty (%)
1	Tổng công ty Bưu Điện Việt Nam	Số 5 Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Số 0102595740 do Sở KH & ĐT thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần đầu ngày 08/10/2010	126.208.191.601	84,14
2	Công ty Cổ phần Hacisco	Số 51 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	Số 0103000234 do Sở KH & ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/01/2001	12.335.350.773	8,22
	Tổng cộng			138.543.542.374	92,36

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn theo điều khoản phát hành của Tổng công ty quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Thủ tục cấp chứng nhận sở hữu cổ phiếu đối với cổ phiếu đã đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp có quy định khác về hạn chế chuyển nhượng quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;
 - h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Cụ thể:
 - (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
 - (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
 - (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
 - (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
 - (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề cử đủ số ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
 - b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thì số ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có

cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Tổng công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ

chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền (nếu có).
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 4 Điều này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 12 Điều lệ này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
4. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
5. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp hoặc khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ và/hoặc phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung trong Chương trình họp. Trên thẻ biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trên phiếu biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định việc lựa chọn áp dụng phương thức biểu quyết thông qua thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết.
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và

biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu để kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng Thẻ biểu quyết (tán thành, không tán thành và không có ý kiến) và/hoặc bằng Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào từng nội dung. Tại cuộc họp, đối với các nội dung được biểu quyết bằng thẻ biểu quyết thì số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được đếm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Đối với các vấn đề lấy ý kiến thông qua Phiếu biểu quyết thì Phiếu biểu quyết sẽ được thu khi các nội dung đã được cổ đông cho ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:
 - a) Hội đồng Quản trị quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Tổng công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp trong các trường hợp như chiến tranh, khủng bố, bạo động, tình trạng khẩn cấp quốc gia, rối loạn công cộng, đình công, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, thiên tai, giãn cách xã hội, hạn chế đi lại/các sự kiện có tính chất tương tự và/hoặc các trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - b) Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Trình tự, thủ tục và các quy định khác về Hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và/hoặc các quy định nội bộ khác của Tổng công ty.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm

nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu, Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên độc lập Hội đồng quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền của Tổng công ty.
 - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông

báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị ngay tại cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về vấn đề liên quan đến các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty.

14. Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Tổng công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tiếp. Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 30. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
2. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
3. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị quyết định ban hành các quy chế, văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 1) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 2) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

- 1) Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- 2) Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- 3) Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền thưởng của Tổng giám đốc thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quy chế quản lý, sử dụng quỹ thưởng của người quản lý của Tổng công ty.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của

pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 44. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan sau đây:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của họ;

- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d) Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
- a) Hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - b) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - c) Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty và các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch đồng thời thông báo mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
5. Tổng công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 45. Hạn chế giao dịch giữa Tổng công ty và các đối tượng khác

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 47. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải

thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 48. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Tổng công ty.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.
2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các

thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Tổng Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 56. Dấu của Tổng công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Tổng công ty.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 57. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Tổng công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị,

bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 61 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Chuyên phát hành Bưu điện - Công ty cổ phần nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 21 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung của Điều lệ này trái với quy định của pháp luật thì quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
3. Điều lệ được lập thành 02 bản gốc, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/04/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hà Thị Hoà



**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY**

Năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	3
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành	4
CHƯƠNG II - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 5. Công tác chuẩn bị đại hội	4
Điều 6. Quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến	11
Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác	12
Điều 9. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	12
Điều 10. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	14
Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
CHƯƠNG III - ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM	15
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 12. Vai trò của Hội đồng quản trị, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị. 15	
Điều 13. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 16. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 17. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 18. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	19
Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	19
CHƯƠNG IV - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 20. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu.....	20
Điều 21. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.....	20
Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	21
Điều 24. Cách thức biểu quyết	21
Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	22
Điều 26. Họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác	22
Điều 27. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	23
Điều 28. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;	23
Điều 29. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.....	23
CHƯƠNG V - THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN.....	23
THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	23
Điều 30. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.....	23
Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	24
Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	25
Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty	25
Điều 34. Thư ký Tổng công ty	25

CHƯƠNG VI - BAN KIỂM SOÁT	25
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	25
Điều 36. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 37. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 38. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	27
Điều 40. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 41. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 42. Thù lao và lợi ích liên quan của thành viên Ban kiểm soát	29
Điều 43. Cuộc họp của Ban kiểm soát	29
CHƯƠNG VII - TỔNG GIÁM ĐỐC	29
Điều 44. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	29
Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	29
CHƯƠNG VIII - PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	30
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY	30
Điều 46. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động.....	30
Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	31
Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	33
Điều 49. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	34
Điều 50. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao 34	
Điều 51. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.....	35
Điều 52. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	35
CHƯƠNG IX - ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG	35
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT	35
Điều 53. Đánh giá hoạt động.....	35
Điều 54. Khen thưởng – Kỷ luật	36
CHƯƠNG X - CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 55. Nghĩa vụ công bố thông tin	37
CHƯƠNG XI - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ	37
VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY	37
Điều 56. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty	37
CHƯƠNG XI - HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ.....	37
VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY.....	37
Điều 57. Hiệu lực của Quy chế	37

Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần thông qua theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021.

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần;
- b) Cổ đông Tổng công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành của Tổng công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “*Tổng công ty*” là Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần;
- b) “*Điều lệ*” là Điều lệ của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Người điều hành Tổng công ty* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty;
- g) *Người quản lý Tổng công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
- h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty cổ phần;

- j) *Cổ đông lớn* là cổ đông là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - k) *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty;
 - l) *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* là (các) thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - m) *Người phụ trách quản trị Tổng công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 32 Điều lệ Tổng công ty.
 - n) *Sở Giao dịch chứng khoán* là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
- Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.
3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 5. Công tác chuẩn bị đại hội

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng

kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

- b) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.
- c) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có trách nhiệm thực hiện lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Trường hợp cổ phiếu đã được đăng ký lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) thì danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Tổng công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Tổng công ty và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

5. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp

- a) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- (i). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii). Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị (nếu có);
 - (iii). Phiếu biểu quyết;
 - (iv). Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i). Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này;
 - (ii). Vào thời điểm Tổng công ty nhận được kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty;
 - (iii). Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (iv). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:
- (i). Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii). Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (iii). Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv). Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- (v). Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Tổng công ty.
- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và chữ ký của đại diện hợp pháp của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- (i). Đối với cổ đông cá nhân:
- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó (hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông) và người được ủy quyền dự họp;
- (ii). Đối với cổ đông tổ chức:
- Trong các trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- c) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba trừ trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền theo quy định tại tiết (ii) điểm b khoản 6 Điều 6 Quy chế này.
- d) Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty nhận được nhiều văn bản ủy quyền của cùng một cổ đông thì văn bản ban hành sau mặc nhiên có giá trị ưu tiên áp dụng.
- e) Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối các ủy quyền không tuân thủ quy định của Tổng công ty và pháp luật và/hoặc có các nội dung mâu thuẫn, không rõ ràng dẫn đến không xác định được đối tượng/thời hạn/phạm vi/nội dung ủy quyền của cổ đông. Trong trường hợp này Ban tổ chức sẽ thông báo cho người được ủy quyền dự họp về việc từ chối ủy quyền và người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm thông báo lại cho cổ đông/bên ủy quyền.
- Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề, vướng mắc, tranh chấp phát sinh giữa cổ đông và người đại diện của cổ đông liên quan đến việc ủy quyền dự họp.
- f) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- (i). Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (ii). Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

(iii). Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham gia họp và đăng ký cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước và trong suốt quá trình diễn ra cuộc họp.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông có tối thiểu 02 người trong đó có 01 trưởng ban và (các) thành viên ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- (i). Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - (ii). Thực hiện kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông/người đại diện của cổ đông đến tham dự họp trong toàn bộ thời gian diễn ra cuộc họp.
 - (iii). Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp.
- b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
- c) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự; Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 6 Điều này;
- d) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện hợp pháp của cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ và/hoặc phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung trong Chương trình họp. Trên thẻ biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trên phiếu biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông.
- e) Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày

dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Khi đăng ký cổ đông dự họp, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông thẻ biểu quyết theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều này.
- b) Hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
 - Biểu quyết theo hình thức công khai (sử dụng thẻ biểu quyết);
 - Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín (sử dụng phiếu biểu quyết).

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định việc lựa chọn áp dụng hình thức biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc hình thức bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết.

- c) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Đối với trường hợp biểu quyết thông qua thẻ biểu quyết, cổ đông/đại diện họp pháp của cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi được Chủ tọa hỏi (*Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành; Lần thứ hai: Biểu quyết không tán thành; Lần thứ ba: Biểu quyết không có ý kiến*) về từng nội dung cụ thể. Đối với trường hợp biểu quyết thông qua phiếu biểu quyết, các phiếu biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu thu lại và kiểm đếm sau khi toàn bộ các nội dung cần biểu quyết đã được lấy ý kiến.

10. Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu để kiểm phiếu và/hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- b) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- c) Đối với trường hợp biểu quyết công khai: Ban kiểm phiếu sẽ đếm số thẻ biểu quyết tán thành trước, số thẻ biểu quyết không tán thành được đếm sau, số thẻ biểu quyết không có ý kiến được đếm cuối cùng, sau đó tổng hợp trực tiếp và báo cáo tại đại hội. Cổ đông hoặc đại diện của cổ đông chỉ được biểu quyết cho một trong ba quyết định tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến cho mỗi nội dung được biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập báo cáo/xác nhận kết quả biểu quyết thông qua hình thức biểu quyết công khai trong đó nêu rõ tổng số thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.
- d) Đối với trường hợp bỏ phiếu kín: Các cổ đông sau khi lựa chọn các phương án biểu quyết tại mỗi nội dung của cuộc họp trên phiếu biểu quyết, các cổ đông sẽ bỏ phiếu biểu

quyết vào hòm phiếu. Hòm phiếu đã được khóa và niêm phong theo đúng quy định của pháp luật và do ban kiểm phiếu quản lý;

Sau khi các nội dung họp đã được xin ý kiến, Ban kiểm phiếu tiến hành mở hòm phiếu niêm phong dưới sự chứng kiến của các thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu (nếu có).

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra phiếu biểu quyết theo thứ tự các phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến và tổng hợp kết quả để lập Biên bản kiểm phiếu;

- e) Biên bản kiểm phiếu là văn bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu đối với ý kiến của cổ đông với các nội dung của cuộc họp, trong đó phải bao gồm các nội dung sau:
- (i). Tên, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Các nội dung biểu quyết;
 - (iii). Số cổ đông tham dự đại hội đã biểu quyết trong đó nêu rõ số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ;
 - (iv). Tổng số phiếu và tỷ lệ phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng nội dung xin ý kiến của Đại hội.
 - (v). Các nội dung đã được thông qua, không được thông qua tại Đại hội;
 - (vi). Họ tên chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu hoặc đại diện trưởng ban kiểm phiếu nhưng phải đảm bảo các thành viên ban kiểm phiếu phải ký nháy vào từng trang của Biên bản.

Trường hợp trưởng ban kiểm phiếu từ chối ký Biên bản kiểm phiếu thì một trong các thành viên còn lại của ban kiểm phiếu có trách nhiệm ký biên bản kiểm phiếu. Trường hợp toàn bộ các thành viên của ban kiểm phiếu không đồng ý/từ chối ký biên bản kiểm phiếu thì Đại hội đồng cổ đông bầu một trong số các cổ đông dự họp ký biên bản kiểm phiếu và biên bản kiểm phiếu này có hiệu lực ngay từ thời điểm ký.

11. Công bố kết quả kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu được bầu theo khoản 10 Điều này có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- b) Đối với các nội dung biểu quyết Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức công khai, chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu công bố công khai ngay sau khi tiến hành biểu quyết về nội dung đó;
- c) Đối với các nội dung Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín, Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện Ban kiểm phiếu công bố trước thời điểm bế mạc đại hội.

12. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- (ii). Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (iii). Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - (iv). Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (v). Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - (vi). Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii). Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - (viii). Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix). Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 - c) Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 - d) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
 - e) Chủ tọa cuộc họp là người ký ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại tiết (ix) mục a khoản 12 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Quy định về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và có các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
4. Điều kiện tiến hành;

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác

Quy định về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và có các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cách thức bỏ phiếu;
7. Cách thức kiểm phiếu;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
11. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- d) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - e) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - f) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - g) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia kiểm phiếu, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 9 Quy chế này và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thông qua theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Quy chế này.

Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty.
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG III - ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Vai trò của Hội đồng quản trị, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:
 - a) Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được cung cấp thông tin như sau:
 - (i). Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.
 - (ii). Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo được thực hiện theo quyết định/quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.
3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) người.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành

viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

5. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu, cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên độc lập Hội đồng quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - (i). Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - (ii). Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
 - (iii). Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
 - (iv). Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - (v). Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
- c) Trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu, thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - (i) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - (ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - (iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
 - (iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

- (v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - (vi) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
 - e) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
 - f) Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 13. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
 Các cổ đông phổ thông có thể hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc tập hợp thành nhóm cổ đông để thực hiện đề cử ứng cử phải được thông báo cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại quy chế/quy định đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị.
2. Việc đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên Hội đồng quản trị.
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên Hội đồng quản trị.
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên Hội đồng quản trị.
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên Hội đồng quản trị.
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề cử đủ số ứng viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử theo quy định tại quy chế/quy định đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị

Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy chế này.
2. Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo Tổng công ty.

Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 12 của Quy chế này;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm (i) này;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 16. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc nhận được đơn từ nhiệm, bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 17. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
2. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;

- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
3. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định sau:
- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử.
 - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.
 - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
- Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IV - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 21. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

1. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (đối với trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu);
2. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty và pháp luật quy định.

Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên

Hội đồng quản trị của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị ngay tại cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp có nhiệm vụ phải đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào chương trình họp nếu nội dung đó được toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị dự họp thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Việc từ chối đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào cuộc họp phải được nêu công khai tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 24. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
4. Trừ quy định tại khoản 5 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự cuộc họp có một (01) phiếu biểu quyết;
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về vấn đề liên quan đến các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó

có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 26. Họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác

1. Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Tổng công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tiếp.
2. Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc

hợp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 27. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị quyết định ban hành các quy chế, văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Điều 28. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Tổng công ty.
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết/Quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên biểu quyết tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết/Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên biểu quyết không tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện Nghị quyết nói trên theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Tổng công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG V - THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 30. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc;
2. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác căn cứ nhu cầu của Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban, thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty.
5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
6. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
7. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.
2. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tổng công ty:
 - a) Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
 - b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty khi đa số (trên 1/2) số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị Tổng công ty mới thay thế.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Tổng công ty;
 - b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty;
 - b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
4. Việc miễn nhiệm/ bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty được thông báo và công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 34. Thư ký Tổng công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
4. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VI - BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 36. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
 - e) Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:
 - (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

- (ii) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.
- f) Thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.
- 3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- 4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Điều 37. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

- 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Quy chế này.
- 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử theo quy định tại quy chế/quy định đề cử, ứng cử Ban kiểm soát.

Điều 38. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

- 1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy chế này.
- 2. Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo Tổng công ty.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật;
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Ban kiểm soát; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 40. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc nhận đơn từ nhiệm, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 41. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
2. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - g) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - h) Trình độ chuyên môn;
 - i) Quá trình công tác;
 - j) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của Tổng công ty khác);
 - k) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty.
3. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Quy chế này, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định sau:
 - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử.
 - Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.
 - Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Thù lao và lợi ích liên quan của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 43. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG VII - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 44. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật nếu có.
4. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử các ứng viên đủ điều kiện và phù hợp giữ chức vụ Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật.

5. **Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc**

Hội đồng quản trị thông qua quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Việc ký kết Hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, đảm bảo điều kiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện. Hợp đồng trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác.

6. **Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.**

a) **Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:**

- (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật;
- (ii) Có đơn xin nghỉ việc;
- (iii) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

b) **Tổng giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:**

- (i) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty;
- (ii) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- (iii) Các trường hợp khác theo quy định của Tổng công ty và pháp luật.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

7. **Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc được Tổng công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật.**

8. **Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc và người điều hành**

a) **Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền thưởng của Tổng giám đốc thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quy chế quản lý, sử dụng quỹ thưởng của người quản lý của Tổng công ty.**

b) **Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.**

CHƯƠNG VIII - PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Điều 46. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động

1. **Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc**

phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, vì sự phát triển Tổng công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động kinh doanh.

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị Ban kiểm soát
 - a) Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát:
 - (i) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ii) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty;
 - (iii) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;
 - (iv) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.
 - b) Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị:
 - (i) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - (ii) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
 - (iii) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Tổng công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - (iv) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong

vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc
 - a) Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tin nhắn hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng quản trị tạo điều kiện để Tổng giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình.
 - b) Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Tổng giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với thành viên Ban Tổng giám đốc để giải quyết kịp thời.
 - c) Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, nếu Tổng giám đốc phát hiện thấy có vấn đề bất lợi cho Tổng công ty thì phải báo kịp thời cho Hội đồng quản trị biết để giải quyết.
 - d) Hội đồng quản trị khi cần thiết sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Tổng công ty để phục vụ công tác của Hội đồng quản trị. Đối với công tác tổ chức các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
 - e) Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời một hoặc một số thành viên Ban Tổng giám đốc và/hoặc người quản lý khác phụ trách các mảng công việc có liên quan dự họp và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).
 - f) Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
 - g) Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
 - h) Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận thấy quyết định này trái pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, các Quy chế hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc/và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để trực tiếp theo dõi và có biện pháp xử lý.
 - i) Phối hợp khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, các hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành

Tổng công ty. Việc tham gia các khóa học, khảo sát, hội thảo của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác không được ảnh hưởng đến công việc chung của Tổng công ty.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc
 - a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.
 - b) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Tổng công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - c) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - d) Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.
 - e) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - f) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát/Tổng giám đốc phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát/Tổng giám đốc có trách nhiệm phản hồi trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
 - a) Cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời là cuộc họp hàng quý của Hội đồng quản trị. Nội dung họp định kỳ có thể kết hợp với các nội dung họp bất thường để xem xét trong cùng một cuộc họp.
 - b) Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Tổng công ty;

2. Hội đồng quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Tổng công ty.
3. Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định/quyết định của Hội đồng quản trị và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 49. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp Tổng giám đốc và/Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị:
 - a) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành, quản lý doanh nghiệp khác. Tổng giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b) Những vấn đề Tổng giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:
 - (i) Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - (ii) Các vấn đề mà quyền quyết định vượt ra khỏi phạm vi quyền hạn của Tổng giám đốc;
 - (iii) Các vấn đề khác được Tổng giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát xác định là cần thiết đối với hoạt động của Tổng công ty.
2. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này.
3. Các nội dung cần xin ý kiến và tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị.

Điều 50. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng quản trị. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 51. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị có thể kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện.

Điều 52. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngay khi Tổng công ty xảy ra một trong các sự kiện sau.
 - a) Tài khoản của Tổng công ty bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - b) Có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c) Có quyết định khởi tố đối với người quản lý, người điều hành, người nội bộ Tổng công ty; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.
 - d) Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc theo quy định của pháp luật.
2. Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác theo quy định của Tổng công ty và pháp luật để gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

**CHƯƠNG IX - ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

Điều 53. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá
 - a) Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:
 - Tự nhận xét, đánh giá;
 - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
 - b) Đối với cán bộ quản lý khác, Tổng giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.
2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:
 - a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển của đơn vị.

- b) Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Tổng công ty, nội quy lao động, chủ trương, chính sách của Tổng công ty và quy định pháp luật.
- c) Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, trình bày.
- d) Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng đào tạo nhân viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.
- e) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.
- f) Đoàn kết, phối hợp trong và ngoài đơn vị, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Tổng công ty.
- g) Mức độ tín nhiệm của nhân viên cấp dưới và người lao động trong Tổng công ty.

3. Thực hiện đánh giá hoạt động:

- a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Tổng công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- b) Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên Ban kiểm soát định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công;
- c) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.
- d) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 54. Khen thưởng – Kỷ luật

- 1. Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế khen thưởng – kỷ luật.
- 2. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 54 của Quy chế này.

Tổng công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác được đánh giá có thành tích trong công tác quản lý hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- 3. Việc kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X - CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Tổng công ty phải xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
3. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

CHƯƠNG XI - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 56. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty

Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét và quyết định và phải được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

CHƯƠNG XI - HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 57. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2021.
2. Các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Tổng công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành trái với quy định tại Điều lệ Tổng công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Tổng công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.

Quy chế này được lập thành 01 bản gốc và lưu trữ tại Tổng công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Thị Lan Hương



**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2021

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Các định nghĩa.....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 3. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	4
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	11
Điều 15. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.....	11
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	14
Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	14
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	15
Điều 19. Trình báo cáo hằng năm	15
Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	16
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành	16
Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	16
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 25. Hiệu lực thi hành	17

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần thông qua theo Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021.

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các định nghĩa

1. Trong Quy chế này, trừ khi được quy định khác đi, các từ và thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. *Quy chế* có nghĩa là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần
 - b. *Tổng công ty* là Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện – Công ty cổ phần;
 - c. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - d. *Đại hội đồng cổ đông* có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - e. *Hội đồng quản trị* có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
 - f. *Ban kiểm soát* có nghĩa là Ban kiểm soát của Tổng công ty;
 - g. *Điều lệ Tổng công ty* có nghĩa là Điều lệ Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách hợp lệ;
 - h. *Người quản lý* Tổng công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - i. *Người điều hành* Tổng công ty là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty;
 - j. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - k. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - l. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* là (các) thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - n. *Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và thưởng đối với công việc mình đảm nhiệm. Thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và/hoặc bất thường.
5. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một/một số lĩnh vực theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
6. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc đã được phân công tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và/hoặc khi được yêu cầu.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.
4. Trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu, số lượng, quyền, nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với các quy định tại pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
 - d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng

- giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
2. Trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
 4. Các quy định tại khoản 2 và 3 Điều này chỉ áp dụng với trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
- Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
 - d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
- 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm này;
- b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại quy chế/quy định đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị.
 - b. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cụ thể:
 - (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên Hội đồng quản trị.
 - (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên Hội đồng quản trị.
 - (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên Hội đồng quản trị.
 - (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên Hội đồng quản trị.
 - (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề cử đủ số ứng viên Hội đồng quản trị.
 - c. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử theo quy định tại quy chế/quy định đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử

viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
2. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- i. Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền của Công ty.
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 26, Điều 44 Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các quy định có liên quan của Tổng công ty và pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc;
2. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác căn cứ nhu cầu của Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban, thuộc Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty.
5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
6. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
7. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (đối với trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu);
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty và pháp luật quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Tổng công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tiếp.

Thẻ thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
3. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị quyết định ban hành các quy chế, văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 25 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2021.
2. Các vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành trái với quy định tại Điều lệ Tổng công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Tổng công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
3. Quy chế này được lập thành 01 bản gốc và lưu tại Tổng công ty.
4. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật thì Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định sửa đổi.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Thị Lan Hương

Số:/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế hoạt động Ban kiểm soát của Công ty CP Chuyển phát nhanh Bưu điện (nay đổi tên thành Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần) ban hành kèm theo Quyết định số 889/QĐ-HĐQT ngày 17/08/2006;
- Căn cứ Tờ trình số/TTr-VP ngày 05/04/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT;

Để hoạt động của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty EMS) tuân thủ, phù hợp với quy định tại các văn bản pháp luật mới về doanh nghiệp, về lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, cũng như đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, Ban kiểm soát Tổng công ty EMS kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty EMS. Chi tiết Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty EMS sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty EMS được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC; Dự thảo Điều lệ Tổng công ty EMS và dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS đính kèm Tờ trình số/TTr-VP ngày 05/04/2021; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định pháp luật có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: BKS, Ký HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Tất Thành



**TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2021

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	1
Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	2
Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	4
Chương III. BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	6
Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	6
Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	7
Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát	7
Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	7
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	7
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	7
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	8
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát	8
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	9
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	9
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	9
Điều 22. Hiệu lực thi hành	9

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty);
- Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty,

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty) và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty cần đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện sau: Thành viên Ban Kiểm soát công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại quy chế/quy định đề cử, ứng cử Ban Kiểm soát.

b) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cụ thể:

(i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên Ban Kiểm soát.

(ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên Ban Kiểm soát.

(iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên Ban Kiểm soát.

(iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên Ban kiểm soát.

(v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề cử đủ số ứng viên Ban Kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử theo quy định tại quy chế/quy định đề cử, ứng cử Ban Kiểm soát.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về

các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

2. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Tổng công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 4 Điều lệ Tổng công ty có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.
4. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2021.
2. Các vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty sẽ do Ban Kiểm soát quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Ban Kiểm soát ban hành trái với quy định tại Điều lệ Tổng công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Tổng công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
3. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật thì Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định sửa đổi.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Số: /TTr-BKS

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty Cổ phần

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần;

Để đảm bảo hoạt động của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (Tổng công ty EMS) phù hợp với quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Tổng công ty EMS yêu cầu.

2. Đề xuất

- Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên và xét kết quả thực hiện công tác kiểm toán BCTC năm 2020, để công tác kiểm toán BCTC năm 2021 được thuận lợi; Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông tiếp tục lựa chọn đơn vị kiểm toán đã kiểm toán BCTC năm 2020 là Công ty TNHH Kiểm toán VACO tiếp tục thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021 của Tổng công ty EMS.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021 của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: BKS, Tky HDQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Tất Thành

Số: 18/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CHUYÊN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần (dưới đây viết tắt là Tổng công ty EMS) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty EMS thông qua ngày 26/04/2018;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần ngày 26/04/2021;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần với một số nội dung chủ yếu:

1.1 Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2020		Thực hiện 2020		
		KH 2020	% so TH2019	Thực hiện 2020	% so TH2019	% so KH2020
1	Tổng doanh thu	2,060,000	114.11%	1,917,236	106.20%	93.07%
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD	2,058,350	114.20%	1,912,126	106.09%	92.90%
1.2	Thu nhập khác	350	43.48%	711	88.38%	203.28%
2	Tổng chi phí	1,993,300	114.64%	1,845,778	106.16%	92.60%
2.1	Chi phí SXKD của Công ty	1,992,200	114.67%	1,843,841	106.13%	92.55%
2.2	Chi phí hoạt động tài chính	1,000	90.01%	1,661	149.50%	166.09%
2.3	Chi phí khác	100	44.25%	276	122.26%	276.31%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	66,700	100.14%	71,458	107.28%	107.13%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	53,300	100.13%	56,992	107.06%	106.93%
5	TỶ LỆ CỔ TỨC	10%	100.00%	10%	100.00%	100.00%

6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	30.17%	95.50%	32.26%	102.12%	106.93%
----------	--	---------------	---------------	---------------	----------------	----------------

1.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- Tổng doanh thu: 2,600 tỷ đồng, tăng 35.6% so với doanh thu thực hiện năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế: 75 tỷ đồng, tăng 5% so với lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế: 59.8 tỷ đồng.
- Tỷ lệ cổ tức: 10%/cổ phần.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 05/04/2021 đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 với một số nội dung chủ yếu sau:

2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % 2020/2019
1	Tổng Doanh thu	1,805,334	1,917,236	106.20%
1.1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,802,398	1,912,126	106.09%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	2,132	4,399	206.33%
1.3	Thu nhập khác	805	711	88.40%
2	Chi phí	1,738,727	1,845,778	106.16%
3	Lợi nhuận trước thuế	66,608	71,458	107.28%
4	Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	100.00%

2.2 Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ % 2021/2020
1	Tổng Doanh thu	1,917,236	2,600,000	135.61%
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,912,126	2,596,300	135.78%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	4,399	3,000	68.20%
1.3	Thu nhập khác	711	700	98.39%
2	Chi phí	1,845,778	2,525,000	136.80%
3	Lợi nhuận trước thuế	71,458	75,000	104.96%
4	Tỷ lệ cổ tức	10%	10.00%	100.00%

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 ngày 05/04/2021 đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025

3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tỷ lệ tăng trưởng bq gđ 2016-2020	Tỷ lệ tăng trưởng bq gđ 2011-2020	Số liệu bq gđ 2016-2020
		TH	Tăng trưởng %	TH	Tăng trưởng %	TH	Tăng trưởng %	TH	Tăng trưởng %	TH	Tăng trưởng %			
1	Tổng doanh thu	930.4	25%	1,243.4	34%	1,517.2	22%	1,805.3	19%	1,917.2	6%	19.8%	20.3%	
3	Lợi nhuận trước thuế	37.8	30%	62.7	38%	61.6	-2%	66.6	8%	71.5	7%	17.3%	12.3%	
4	Lợi nhuận sau thuế	30.1	34%	50.4	36%	48.9	-3%	53.2	9%	57.0	8%	17.3%	14.7%	
5	Vốn chủ sở hữu	148.9	1%	155.0	4%	160.1	3%	168.5	5%	176.7	5%	4.4%	2.8%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (*)	20.2%		32.5%		30.5%		31.5%		32.3%				29.4%
7	Tỷ lệ cổ tức	10%		12%		12%		10%		10%				10.8%

3.2 Mục tiêu đến năm 2025:

- Tổng doanh thu: **6,200 tỷ đồng**, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn là 24.3%/năm.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: **110 tỷ đồng**, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn là 10%/năm.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đến năm 2025 là 29.1%, bình quân giai đoạn là 28.7%

- Tỷ lệ cổ tức bình quân năm: 10%.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số/TTr-HĐQT.IV về việc trình ĐHCĐ thông qua định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025 ngày 05/04/2021 và Báo cáo kết quả sxkd giai đoạn 2016-2020, định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025 đính kèm).

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 05/04/2021 đính kèm).

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

5.1 Một số chỉ tiêu chính trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020
1	Tổng tài sản	598,954	663,202
2	Vốn chủ sở hữu	224,769	233,658

2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	91,591	150,005
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	76,897	26,661
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	56,281	56,992

5.2 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Cách tính	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % 2020/2019
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	(a)	1,802,398	1,912,126	106.09%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(b)	-	-	
3	Doanh thu thuần	(c=a-b)	1,802,398	1,912,126	106.09%
4	Giá vốn cung cấp dịch vụ	(d)	1,526,372	1,599,457	104.79%
5	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	(e=c-d)	276,026	312,669	113.28%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	(f)	2,132	4,399	206.32%
7	Chi phí tài chính	(g)	1,111	1,661	149.50%
8	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	(h)	211,018	244,384	115.81%
9	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	(i=e+f-g-h)	66,029	71,023	107.56%
10	Thu nhập khác	(k1)	805	711	88.38%
11	Chi phí khác	(k2)	226	276	122.26%
12	Lợi nhuận khác	(k=k1-k2)	579	435	75.20%
13	Tổng lợi nhuận trước thuế	(l=i+k)	66,608	71,458	107.28%
14	Thuế TNDN hiện hành	(m)	13,376	14,466	108.15%
15	Lợi nhuận sau thuế	(p=l-m)	53,232	56,992	107.06%

Điều 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Nội dung	Số tiền (VND)	Công thức	Thuyết minh
1	Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020	71,458,118,106	(a)	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	14,465,852,690	(b)	
3	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020	56,992,265,416	(c=a-b)	
3.1	Trả thù lao cho HĐQT và BKS	781,073,280	(d)	Theo mức đã được ĐHCĐ thông qua và quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH
3.2	Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ 10%/cổ phần thực tế lưu hành (*)	15,000,470,000	(e) = 10% x 15,000,478 x 10,000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án trình ĐHCĐ năm 2021 thông qua

TT	Nội dung	Số tiền (VND)	Công thức	Thuyết minh
3.3	Lợi nhuận còn lại	41,210,722,136	(f=c-d-e)	
a	Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,363,216,641	(g) = (3.3) x 30%	Trích tối đa 30% lợi nhuận còn lại theo Quy chế tài chính hiện hành
b	Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành tương đương 1.5 tháng lương bình quân thực hiện của cán bộ quản lý	550,013,125	(j) = 1.5 x tiền lương bình quân/tháng thực hiện của cán bộ quản lý	Trích theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH
c	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương đương 1.01 tháng lương bình quân thực hiện của CBCNV	28,297,492,370	(i=f-g-j)	Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH cho phép trích tối đa 3 tháng lương thực hiện do lợi nhuận vượt kế hoạch

(*) Ghi chú: Tổng công ty EMS đề xuất ĐHCĐ thông qua nguyên tắc khi thực hiện chia cổ phiếu cho cổ đông, toàn bộ phần lẻ sẽ hủy bỏ. Theo đó, số tiền chênh lệch tương ứng với số cổ phiếu bị hủy bỏ x (nhân) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu sẽ được để lại ở chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Điều 7. Thông qua thù lao, tiền lương HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021

7.1 Thù lao, tiền lương HĐQT và BKS năm 2020

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2020		Thực hiện năm 2020	
		Số lượng (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)	Số lượng (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)
I	Thù lao của cán bộ kiêm nhiệm	673,920,000		781,073,280	
1	Chủ tịch HĐQT	1	11,880,000	1	13,768,920
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	9,720,000	3	11,265,480
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7,560,000	2	8,762,040
II	Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách	1	34,750,000	1	36,250,000

7.2 Mức thù lao, tiền lương của HĐQT và BKS kế hoạch năm 2021

TT	Chức danh	Đề xuất KH năm 2021	
		Số lượng (người)	Thù lao BQ (đ/ng/thg)
I	Thù lao của cán bộ kiêm nhiệm	673,920,000	
1	Chủ tịch HĐQT	1	11,880,000
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	9,720,000
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7,560,000
II	Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách	1	37,000,000

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số/TTr-HĐQT.IV ngày 05/04/2021 đính kèm).

Điều 8. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn để làm tròn vốn góp của các cổ đông

8.1 Số liệu chi tiết vốn góp của các cổ đông sau khi thực hiện phương án tăng vốn theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TT	Cổ đông	Trước khi tăng vốn			Vốn góp bổ sung	Sau khi tăng vốn		
		Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp	Chênh lệch giữa vốn thực góp và vốn điều lệ đăng ký		Vốn điều lệ dự kiến đăng ký	Vốn thực góp	Chênh lệch giữa vốn thực góp và vốn điều lệ dự kiến đăng ký
1	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	77,059,610,000	77,059,591,601	(18,399)	49,148,600,000	126,208,210,000	126,208,191,601	(18,399)
2	Công ty cổ phần Hacisco	7,531,670,000	7,531,660,773	(9,227)	4,803,690,000	12,335,360,000	12,335,350,773	(9,227)
3	Các cổ đông khác	7,000,000,000	7,000,000,000	-	4,461,240,000	11,461,240,000	11,461,240,000	-
	Tổng cộng	91,591,280,000	91,591,252,374	(27,626)	58,413,530,000	150,004,810,000	150,004,782,374	(27,626)

8.2 Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn để làm tròn vốn góp của các cổ đông

Số liệu chi tiết về vốn góp của các cổ đông nêu trên cho thấy trước khi Tổng công ty EMS thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, vốn thực góp của Tổng công ty EMS là số lẻ đến đơn vị đồng, không chia hết cho mệnh giá là 10,000 đồng/cổ phần.

Vì vậy, để phù hợp với quy định về mệnh giá cổ phiếu/cổ phần trong lĩnh vực chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty EMS và đảm bảo thông tin vốn điều lệ trên GCNĐKDN phù hợp với vốn thực góp, căn cứ đề xuất của HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn để làm tròn vốn góp lẻ của các cổ đông bằng cách trích từ nguồn vốn chủ sở hữu (cụ thể là trích từ quỹ đầu tư phát triển (ĐTPT)) của Tổng công ty EMS. Số tiền trích từ nguồn vốn chủ sở hữu để làm tròn vốn góp cho các cổ đông và số cổ phiếu trước và sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn như sau:

TT	Cổ đông	Vốn điều lệ thực góp (đồng)	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu) (1)	Trích quỹ ĐTPT bổ sung vốn góp cho các cổ đông (đồng)	Vốn góp của các cổ đông sau khi bổ sung (đồng)	Số cổ phiếu sau khi làm tròn vốn góp của cổ đông (cổ phiếu) (2)	Số cổ phiếu phát hành thêm [(2) - (1)] (cổ phiếu)
1	Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	126,208,191,601	12,620,819	18,399	126,208,210,000	12,620,821	2
2	Công ty cổ phần Hacisco	12,335,350,773	1,233,535	9,227	12,335,360,000	1,233,536	1
3	Cổ đông khác	11,461,240,000	1,146,124	-	11,461,240,000	1,146,124	-
	Tổng cộng	150,004,782,374	15,000,478	27,626	150,004,810,000	15,000,481	3

Căn cứ số liệu trên, ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu để làm tròn vốn góp của các cổ đông cụ thể như sau:

a. Thông tin cổ phiếu phát hành

- **Cổ phiếu phát hành:** Cổ phiếu Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10,000 đồng/cổ phiếu.
- **Đối tượng phát hành:** là hai cổ đông của Tổng công ty EMS có số vốn thực góp lẻ đến đơn vị đồng nêu trên, cụ thể:
 - + Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam;
 - + Công ty cổ phần Hacisco.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 03 cổ phiếu (Ba cổ phiếu), trong đó:
 - + Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam: 02 cổ phiếu;
 - + Công ty cổ phần Hacisco: 01 cổ phiếu.
- **Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:** 30,000 đồng (Ba mươi nghìn đồng).
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu.
- **Nguồn vốn thực hiện:** Được lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu (từ quỹ đầu tư phát triển) căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tổng công ty với số tiền là 27,626 đồng. Số tiền còn lại 2,374 đồng chính là phần vốn góp lẻ so với mệnh giá cổ phiếu của hai cổ đông. Số tiền trích quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn góp lẻ cho hai cổ đông này sẽ không thay đổi nếu như Tổng công ty EMS thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2021 trước khi thực hiện làm tròn phần vốn góp của các cổ đông.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian phù hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành.
- **Đăng ký bổ sung cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- **Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký giao dịch bổ sung trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UpCom) vào thời điểm thích hợp theo lựa chọn của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật về chứng khoán.

b. Các nội dung ủy quyền

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời được phép chủ động điều chỉnh chi tiết phương án và hồ sơ phát hành có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn thời điểm, phương thức thích hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật hiện hành;

- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ của Tổng công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký bổ sung cổ phiếu và thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Các công việc khác có liên quan.

Điều 9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

9.1 Thông tin cổ phiếu phát hành

- **Cổ phiếu phát hành:** Cổ phiếu Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10,000 đồng/cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 1,500,047 cổ phiếu (Một triệu, năm trăm nghìn, không trăm bốn mươi bảy cổ phiếu).
- **Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:** 15,000,470,000 đồng (Mười lăm tỷ, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
- **Nguồn vốn thực hiện:** Nguồn thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tổng công ty.
- **Tỷ lệ thực hiện:** Tỷ lệ thực hiện được tính theo tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu đang lưu hành/số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành. Tỷ lệ thực hiện cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm triển khai phương án phát hành.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian phù hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
- **Đăng ký bổ sung cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- **Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UpCom) vào thời điểm thích hợp theo lựa chọn của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật về chứng khoán.

9.2 Các nội dung ủy quyền

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời được phép chủ động điều chỉnh, chi tiết phương án và hồ sơ phát hành có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn thời điểm, phương thức thích hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty EMS và pháp luật hiện hành;
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ Tổng công ty EMS sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký bổ sung cổ phiếu và thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Các công việc khác có liên quan.

Điều 10. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

10.1 Thông tin cổ phiếu phát hành

- **Cổ phiếu phát hành:** Cổ phiếu Tổng công ty Chuyên phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10,000 đồng/cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 1,500,047 cổ phiếu (Một triệu, năm trăm nghìn, không trăm bốn mươi bảy cổ phiếu).
- **Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:** 15,000,470,000 đồng (Mười lăm tỷ, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- **Nguồn vốn thực hiện:** Nguồn thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu (từ quỹ đầu tư phát triển) căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tổng công ty.
- **Tỷ lệ thực hiện:** Tỷ lệ thực hiện được tính theo tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu đang lưu hành/số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành. Tỷ lệ thực hiện cụ thể do Hội đồng quản

trị quyết định dựa trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm triển khai phương án phát hành.

- **Thời gian dự kiến phát hành:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian phù hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành.
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh** (nếu có): Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
- **Đăng ký bổ sung cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- **Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu:** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UpCom) vào thời điểm thích hợp theo lựa chọn của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật về chứng khoán.

10.2 Các nội dung ủy quyền

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời được phép chủ động điều chỉnh, chi tiết phương án và hồ sơ phát hành có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn thời điểm, phương thức thích hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty EMS và pháp luật hiện hành;
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ Tổng công ty EMS sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký bổ sung cổ phiếu và thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Các công việc khác có liên quan.

Điều 11. Thay đổi địa chỉ trụ sở chính Tổng công ty EMS

11.1 Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính

- Địa chỉ cũ: Số 1, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ mới: Tầng 4, Tòa nhà FLC Landmark Tower, ngõ 5 Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

11.2 Thông qua việc sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty EMS liên quan đến việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty EMS.

11.3 Thông qua việc uỷ quyền cho Tổng giám đốc – Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty EMS thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính trên Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, các giấy tờ liên quan theo quy định của Pháp luật và cập nhật nội dung liên quan đến việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính vào Điều lệ Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện – Công ty cổ phần.

Điều 12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty EMS

Chi tiết Điều lệ Tổng công ty EMS sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.

Điều 13. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS

Chi tiết Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty EMS sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.

Điều 14. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT

Chi tiết Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty EMS sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.

Điều 15. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Chi tiết Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty EMS sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.

Điều 16. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

16.1 Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty EMS.

16.2 Uỷ quyền cho Tổng giám đốc thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị Công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty EMS.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX, Cổ đông (để báo cáo),
- TV.HĐQT; Ban Tổng giám đốc (để t/hiện),
- Ban kiểm soát (để giám sát),
- Lưu HĐQT.

**TM/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Chu Thị Lan Hương

